

Tác Giả và Tác Phẩm

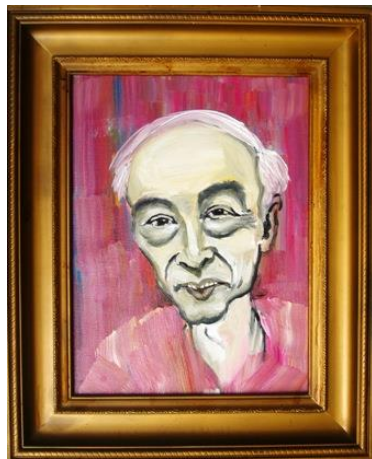
Dương Tường

Tiểu sử

Tên thật: Trần Dương Tường, sinh ngày 4.8.1932, tại Nam Định.
Hiện đang sống ở Sài Gòn.

Tác phẩm

Dịch Tchekov, *L'oncle Vania* - Tolstoi *Anna Karénine* - Jeorges Amado, *Terres Violentes*.
Albert Camus, *l'Etranger*. Một số kịch Shakespeare, truyện *Đôi gió hú* của E. Bronte; *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell.



Chân dung tự họa

Mục Lục

Dương Tường: viết không khác...Nguyễn Đức Tùng - 2
Người chưng cất nỗi đau thành hy vọng - 8
Dương Tường kẻ chữ – Đặng Tiến – 9
Luyện võ cho văn - 11
Tôi (cũng) là bạn của ông Dương Tường – Tường Năng Tiến - 12

Phụ đính thơ văn

Dương Tường - dịch giả cao niên, nhà thơ trẻ
Khi Dương Tường dịch tiểu thuyết - Ốp đết
Dương Tường: Lời xưng tội - Tình thủ đô - Dịch giả Dương Tường được tặng...
Dương Tường...-“Lạ sao chuyện mặt trời khuất” - Thơ Trần Dần
Mười năm trên giá sách văn chương – Đường Dương Tường nghiêng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Dương Tường: viết không khác người ta thì đừng viết Nguyễn Đức Tùng

Ngày 6 tháng 4 năm 2007 tại Hà Nội, chúng tôi đến thăm nhà thơ Dương Tường tại nhà riêng. Dương Tường ngồi sau một chiếc bàn nhỏ và thấp chất đầy sách vở và ly tách giữa một căn phòng rộng dùng làm phòng triển lãm tranh. Tranh treo kín các tường.

Chúng tôi gồm có Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Trọng Tạo, Du Tử Lê, Nguyễn Đức Tùng, và nhiều bạn bè văn nghệ khác, người từ Sài Gòn ra, người ở ngay Hà Nội. Trưa hôm đó Dương Tường dẫn chúng tôi đi thăm phố và ăn trưa. Chiều hôm sau, 7 tháng 4, một mình tôi quay lại địa chỉ trên theo lời hẹn. Buổi chiều Hà Nội nhiều nắng, nhưng mát, dịu dàng. Chiếc ngõ dẫn vào nhà ông sâu, quanh co, vắng người, như ở chốn quê. Anh chị Dương Tường đón tôi ở cửa, tươi cười, thân ái.

Ngồi gần bên nhà thơ, hai người trong căn phòng rộng và im vắng, tôi có cảm giác chất nghệ sĩ trong người Dương Tường toả ra thành một vói những bức tranh trên tường. Buổi chiều có vẻ siêu thực.

Nguyễn Đức Tùng (N.Đ.T): Xin đọc một bài thơ của anh. “Tình khúc 24”.

24 phím cầm chiều / 24 nhành sương mím / 24 tiếng ve sầu đại lộ tháng tư

Gửi lại em / cầu thang 24 bậc / tờ thư 24 gác mưa / làn menuetto 24 âm xưa

Gửi lại em / Mùi hoa sữa 24 miền hoài niệm / Ga khuya 24 lần đưa đón / Bài huê tình 24 lối sân sau

24 có phải là tuổi trẻ không? Rất vui và cảm động được ngồi với anh như thế này. Thưa anh, những người yêu thơ Dương Tường vẫn còn theo dõi các hoạt động của anh.

Dương Tường (D.T): Mình mới gặp các bạn lần đầu mà đã thấy thân thiết như bạn bè lâu ngày. Hôm qua, Trinh, vợ tôi, cũng nói rằng, không hiểu do một giao cảm đặc biệt nào, gặp các anh thấy rất mến.

N.Đ.T: Ngoài tuổi trẻ, thơ Dương Tường cũng như đi ra từ chính tuổi thơ của tác giả, nghĩa là vượt qua những quy ước thông thường của ngôn ngữ người lớn.

D.T: Nhà thơ Áo Rainer Maria Rilke có nói cái ý là sung sướng thay cho những người có một tuổi thơ như là kho báu để nhìn lại mỗi ngày. Tôi nghe anh Nguyễn Đức Tùng mở lời hôm nay thì tôi biết ngay là người đang nói chuyện với tôi là một người hết sức giàu có tuổi thơ.

N.Đ.T: Craig Powell, một nhà thơ–phê bình (poet-critic) và là bác sĩ tâm lý người Úc, đã từng sống và làm việc tại Canada, cho rằng ngôn ngữ thơ là các quá trình tâm lý sơ cấp (primary process), trong khi ngôn ngữ văn xuôi là các quá trình tâm lý thứ cấp (secondary process) [1]. Đọc thơ anh có lẽ nên nhìn từ góc độ đó chăng? Tôi e rằng những người biết đến tên Dương Tường thì nhiều, nhưng những người hiểu Dương Tường có lẽ là ít, ngay cả trong giới phê bình văn học. Có đúng thế không thưa anh?

D.T: Tôi e rằng đúng như thế. Hiểu được thơ của mình cần phải có cái nhìn rất mới, nếu không thì không đồng cảm được.

N.Đ.T: Anh bắt đầu làm thơ từ bao giờ?

D.T: Tôi bắt đầu làm thơ từ những năm 1950, thời kháng chiến chống Pháp. Nhưng chỉ làm thơ cho mình và cho bạn bè, nghĩa là không xuất bản. Cho đến những năm 1988 hay 1989, với tập thơ đầu tay in chung với Lê Đạt, đó là tập *Ba mươi sáu bài tình*. Như thế là từ khi bắt đầu làm thơ đến khi bắt đầu xuất bản là hơn ba chục năm.

Từ lúc bắt đầu làm thơ là tôi đã có một tâm niệm là tôi viết phải khác những người khác. Nếu viết không khác người ta thì đừng viết ra. Vì mỗi người có một tính cách khác nhau nên thơ nếu là của anh thì nó phải phát lộ cái personality (nhân cách) của anh.

N.Đ.T: Nhân cách của nhà thơ biểu hiện qua phong cách, giọng điệu. Phong trào Thơ Mới và văn học

trước 1945 như Tự lực Văn đoàn, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, cùng thời với anh, đã ảnh hưởng đến phong cách của anh ra sao?

D.T: Tôi sinh năm 1932. Như thế là tôi sống qua thời kì Thơ Mới, tất nhiên là thế hệ của tôi, bạn bè tôi đều thấm đẫm tinh thần của thời kì vàng son rực rỡ đó. Nhưng ảnh hưởng của họ đối với tôi thì không đơn giản. Ví dụ như vào thời đó nhiều người thích thơ Xuân Diệu nhưng tôi lại không. Thời đó tôi thường nói đùa với bạn bè rằng ông Lamartine ngủ với ông Verlaine thì đẻ ra Xuân Diệu.

N.Đ.T: Ý anh nói là Xuân Diệu không có gì mới cả.

D.T: Đúng thế. Ông ấy chính là hậu duệ của chủ nghĩa lãng mạn Pháp mà Lamartine và Verlaine là tiêu biểu, chứ đối với tôi vào thời đó thì không có gì mới cả.

N.Đ.T: Vào thời đó mà nghĩ như thế quả là táo bạo. Nhưng Xuân Diệu lại là một tài năng lớn.

D.T: Đúng thế. Có những người là thiên tài nhưng tôi vẫn không thích. Victor Hugo lớn lắm chứ, rõ ràng là thiên tài, nhưng tôi không thích.

N.Đ.T: Những nhà thơ Việt Nam nào ảnh hưởng tới anh nhiều nhất?

D.T: Đinh Hùng và Huy Cận.

N.Đ.T: Mặc dù làm thơ từ rất sớm, nhưng lúc nào thì thơ Dương Tường là Dương Tường như hiện nay?

D.T: Thơ viết từ khoảng 1950 đến 1960 tôi đều bỏ hết, vì sau này đọc lại tôi thấy chúng không phải là tôi, mà thật ra là bất chước. Từ những năm 1960 thì thơ Dương Tường mới là của tôi. Trên đây tôi có nói về Đinh Hùng và Huy Cận. Tôi cho là cái chất lãng mạn, triết lý và sầu muộn của hai ông đã ảnh hưởng đến tôi nhiều.

N.Đ.T: Nhưng kĩ thuật làm thơ của anh hoàn toàn khác với kiểu cổ điển của Huy Cận và Đinh Hùng. Hầu hết các bài thơ của anh là thơ tự do.

D.T: Hồi đầu tôi cũng làm thơ có vần. Về sau thì biết rằng muốn thoát ra về nghệ thuật thì phải làm mới các thể thơ. Nhưng tôi vẫn chú trọng đến âm nhạc trong thơ. Các nhà thơ trẻ hiện nay ít chú ý đến điều này.

N.Đ.T: Trở lại hoàn cảnh sáng tác những năm 1960 của anh tình trạng thơ không có độc giả, sáng tác không có tiếng dội lại, không có phản hồi đã ảnh hưởng như thế nào đến quá trình sáng tạo của anh?

D.T: Tôi đã tâm niệm từ đầu rằng con đường thơ của tôi sẽ không thay đổi. Tôi đã chọn con đường ấy, đã chịu nhiều hệ lụy, nhưng sẽ đi đến cùng. Vì vậy tình trạng không in được thơ, không có độc giả, không ảnh hưởng nhiều đến con đường của tôi. Tất nhiên là tôi cũng có những độc giả riêng của mình, đó là những bạn bè thân quen. Nhất là những bạn trẻ yêu mến thơ tôi, có khi họ ghi chép lại, nhờ thế mà nhiều bài thơ tôi bị mất vẫn tìm lại được, nhờ sự ghi chép của các bạn trẻ.

Tuy vậy, trong sáng tác văn học, cái feedback của độc giả và nhà phê bình là rất quan trọng. Nếu tôi có những feedback như thế, kịp thời, chắc là thơ tôi đã có nhiều thay đổi. Vì chỉ có một nhóm bạn bè thân, và vì khá cô độc, cái mạch nguồn của thơ tôi không phát triển thành các nhánh rẽ khác mà lẽ ra nó phải có. Đó là một hạn chế đáng tiếc. Rất đáng tiếc.

N.Đ.T: Tôi đã đọc tuyển tập Thơ Dương Tường [2] của anh, trong đó có những bài tôi thích như bài "Tình khúc 24", bài "Bella", hay phần thơ "Tôi đứng về phe nước mắt". Ngôn ngữ của anh giản dị, nhưng thật ra không dễ hiểu. Giản dị và dễ hiểu là hai khái niệm khác nhau. Tiếc rằng hiện nay nhiều người không phân biệt được điều này. Có những câu hay đột ngột, nhưng cũng có những câu chưa thuyết phục lắm. Xin phép được trích dẫn trước mặt anh.

Mặt trời Colorado/ dậy sớm/ Đánh cắp của ta quả tuyết đêm qua

Là bài hay và dễ hiểu.

Bao giờ/ về/ thượng nguồn thơ/ nghe/ u ơ

Cũng hay và dễ hiểu.

Đến như:

Bao giờ về/ U tịch/ Bên kia?/ Thì phạm vào lỗi lặp lại (non-originality).

Hồ môi thơ lã chã âm xưa/ bản nháp chiều tơ liễu/ đưa mưa

Thì hay nhưng hơi khó hiểu. Rõ ràng là thi pháp tượng trưng, hơi bị lộ.

Khoảnh khắc/ Phở nằm tênh hênh/ Con jò thòk/ bống chốc/ vú nũm cau/ phau phau

Thú vị và bất ngờ. Nhưng dễ rơi vào tình trạng tự bắt chước mình. Một khuyết điểm mà Trần Dần cũng không tránh được. Còn những câu như:

Người đàn bà hít mùi mồ hôi ba năm chờ/ cười vô lối/ Cửa sổ sóng sánh tiếng huýt sáo của một người/ Đi chơi đêm

Rất đặc sắc. Mang dấu ấn riêng của Dương Tường. Chúng đã làm tôi liên tưởng đến E. E. Cummings (1894-1962), một nhà thơ dùng hết cuộc đời mình để nắm bắt những giây phút sống động đầy cảm giác thực tại, bằng cách lược bỏ các suy tư vốn dễ phát sinh về thực tại đó.

When by now and tree by leaf/ She laughed his joy she cried his grief/ Bird by snow and stir by still/

Anyone's any was all to her

Viết như thế thì tuyệt quá.

D.T: Cám ơn anh Nguyễn Đức Tùng đã đọc thơ tôi. Nếu có thì giờ tôi rất muốn nghe những phê bình góp ý khen chê của một nhà thơ và nhà phê bình thuộc thế hệ trẻ và ở nước ngoài như anh. Tôi rất cần sự thưởng thức và đánh giá của người đọc.

N.Đ.T: Hôm nay ngồi trước tập thơ mới nhất, tập thơ Đàn của anh. Đó là một thứ thơ ngoài lời. Tôi xin nói rằng có thể gọi anh là nhà thơ đứng ở biên giới của ngôn ngữ. Điều đó không phải bao giờ cũng có lợi cho anh. Không phải ai cũng đọc được, hoặc họ đọc được mà không tán thành. Nếu anh có những feedback kịp thời, có lẽ anh sẽ còn phát triển hơn nữa về hướng này.

D.T: Những feedback ấy đã không có vào đúng lúc mà nó ra đời. Khi người ta viết lại quá khứ và công nhận tác phẩm của mình, thì cái mạch nguồn thơ của mình vào lúc ấy đã không còn nữa. Tôi nghĩ ở Việt Nam đã có nhiều người cũng rơi vào tình trạng như tôi.

N.Đ.T: Tập thơ Đàn cần một thứ độc giả riêng của nó. Nó gồm ba mươi trang gồm các hình vẽ với các ghi chú rải rác. Tôi thích bức số một, số hai, số ba, số năm, theo thứ tự trong tập này. Chúng gây cảm giác mênh mông khó tả. Nhưng những bức khác như hình số bốn có dáng như một ly rượu, một nhánh cây leo, và con bướm đậu trên chân ly, tôi không thích vì nặng tính quy ước. Thưa anh, như vậy thơ đã hoá thành hội họa hay một thứ nghệ thuật sắp đặt trên giấy rồi chăng?

D.T: Không phải. Thơ không phải là hội họa dù rất gần với hội họa. Các tác phẩm của tôi cũng không phải là tranh, mặc dù nhìn như những bức tranh. Đó là một thứ thơ không dùng đến ngôn ngữ thông thường và sử dụng các biểu đạt siêu ngôn ngữ (meta-language).

N.Đ.T: Theo nhận xét riêng, tôi cho rằng Dương Tường là một trong những nhà thơ trí thức của Việt Nam hiện nay còn sống. Một thứ scholar. Một tinh thần như thế, một phong cách trí thức như thế làm lợi hay làm hại cho thơ? Và như thế nào?

D.T: Tôi bắt đầu thực hiện tập thơ Đàn khi cảm thấy cần mở rộng biên giới của ngôn ngữ, nếu tôi được phép dùng theo cách nói của anh Nguyễn Đức Tùng ngày hôm qua. Anh Châu Diên, người viết lời giới thiệu cho tập thơ Đàn cũng nói rằng: "Thơ không lời, theo cách gọi của Trần Dần, thực ra không phải là một cái gì dị thường lắm. Ở đầu nguồn, có lẽ là những calligrammes của nhà thơ cách tân hàng đầu của Pháp Guillaume Apollinaire, những bài thơ được trình bày bằng cách viết biểu hình, mà tôi tạm dịch bằng một từ Hán Việt tân tạo: thơ đồ thi. Cũng như cái mắc áo, cái bồn tiểu lật sấp của Marcel Duchamp là tiền đề cho hình thức installation (sắp đặt) sau này, thơ đồ thi của Apollinaire, theo tôi nghĩ, là tiền đề cho thơ ngoài lời hay thơ không lời mà Dương Tường và Trần Dần thể nghiệm vào giữa những năm 1970".

N.Đ.T:

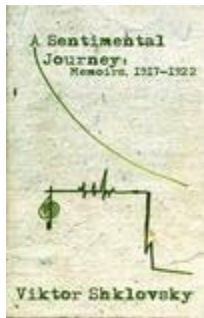
Ai bề ghi tôi/ Tu-huýt còi/ Hoang ga em?

Đúng là có thể xem Dương Tường, trong một số bài, là một E. E. Cummings của Việt Nam. Do những điều kiện lịch sử khắc nghiệt, trải qua những hoàn cảnh như Nhân văn giai phẩm chẳng hạn, một Cummings như thế đã không có điều kiện để tạo dựng hình ảnh (image) của mình lớn hơn, vươn được lên đẳng cấp thế giới, cả về nghệ thuật lẫn ảnh hưởng.

Các nhà phê bình văn học Việt Nam hiện nay hình như không ai đọc Dương Tường như một nhà phê bình, và giúp cho người đọc trung bình có khả năng tiếp cận nó ở mức độ phổ thông. Theo anh có phải vì các nhà phê bình Việt Nam không thiết tha hay bởi vì họ vướng phải những chuyện nào khác?

D.T: Các nhà phê bình không quen với cách viết của tôi nên họ ngại. Chúng ta thường chậm hơn trong những cách tân văn học và nghệ thuật.

Có một điều thú vị là tập thơ Đàn của tôi có một bức được dùng làm bìa cho cuốn sách quan trọng của Victor Shklovsky, cuốn A Sentimental Journey - Memoirs, 1917-1922 do Nhà xuất bản Dalkey Archive Press, Illinois (Mỹ), ấn hành năm 2004 (Xem ảnh). Quả là một bất ngờ khi tôi nhận được thư của Nxb này xin phép được dùng một trang trong tập Đàn làm bìa cho cuốn sách đó.



N.Đ.T: Kể về số phận, Dương Tường là người đi xuyên suốt chiều dài lịch sử của đất nước, và là người tham gia, mặc dù không phải là nhân vật chính, vào các sự kiện sôi động ở miền Bắc. Thế thì toàn bộ tư tưởng của anh, suy nghĩ và hành động của anh trong đời sống, như một công dân, đã ảnh hưởng đến thơ của anh như thế nào. Dòng thơ ngôn ngữ của anh, và sau này dòng thơ ngoài lời, đã được cắm rễ trên mảnh đất ấy như thế nào? Thơ có phản ánh đời sống của anh không? Anh có chủ định mang những vấn đề của đời sống vào thơ không hay anh cố tình gạt chúng ta khỏi toà lâu đài của thơ ca?

D.T: Nếu đọc kĩ, sẽ thấy trong thơ tôi nhiều dấu ấn của dòng đời. (Đọc thơ)

Ở đây tất cả đều tũn mủn/ Chỉ riêng khổ đau là hoành tráng/ Thôi chào Tovarish [3] Thế kỉ/ Giờ lũ hồng rôi/
Tôi chẳng còn thì giờ dạn dò cái chậu giặt/ Kia con chim xứ rét đã về
Ngậm một nhánh IM hoá thạch/ Tôi đi/ Hành tinh hoang

N.Đ.T: Có ba nhà thơ cùng thời mà ngôn ngữ thơ của họ có những nét giống nhau, tôi xin xếp loại là dòng thơ ngôn ngữ ở Việt Nam, đó là Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, trong đó Dương Tường có những nét riêng. Anh so sánh như thế nào giữa thơ anh và thơ của Trần Dần, Lê Đạt xét về mặt nghệ thuật?

D.T: Về thơ tôi gần với Trần Dần hơn cả, và có chịu ảnh hưởng của anh ấy. Lê Đạt và tôi cũng có những điểm tương đồng. Lê Đạt tự gọi mình là phu chữ, còn tôi đã từng viết rằng mình một đời ăn nằm với chữ. Tiếng Việt, ăn nằm có nghĩa là vợ chồng. Nhưng đối với Trần Dần, thì tôi coi anh ấy vừa là bạn vừa là thầy của tôi. Những người thầy của tôi trên thế giới có Apollinaire, E. E. Cummings, còn ở trong nước thì tôi chịu ảnh hưởng của Huy Cận, Đinh Hùng, nhưng tôi có hai người thầy trực tiếp là Trần Dần và Tất Vinh. Tất Vinh là anh ruột của vợ tôi. Tất Vinh không phải là một người cách tân lắm, nhưng từ buổi đầu anh ấy là người đã truyền cho tôi cái đam mê về thơ.

N.Đ.T: Từ sau kháng chiến chống Pháp, xét về mặt lịch sử và về mặt nghệ thuật, thơ Việt Nam có nhiều nhánh rẽ, ít nhất là năm hay sáu nhánh: thơ miền Bắc chính thống, thơ miền Bắc phi chính thống, thơ miền Nam, thơ hải ngoại, thơ trẻ cách tân. Từ 1954 đến 1975, về mặt nghiên cứu và phê bình văn học, miền Bắc đã thiết lập xong những thành tố căn bản, như việc đào tạo những tài năng về lý luận, nghiên

cứu, phê bình, và các viện nghiên cứu. Trong khi đó về mặt sáng tác, miền Nam đã có được một nền văn học phát triển, trong đó thơ ca mang lại nhiều thành tựu, với các tên tuổi còn lại từ thời tiền chiến như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, đi qua các giai đoạn kế tiếp với Nguyên Sa, Bùi Giáng, Quách Thoại, rồi sau đó là Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, và một truyền thống dư dật về tiềm năng, sau này còn kịp gieo những hạt giống sáng tạo bay bổng của nó ở khắp nơi v.v... Anh nghĩ sao về dòng thơ miền Nam trước đây?

D.T: Do điều kiện lịch sử anh em chúng tôi ở miền Bắc rất ít được đọc miền Nam, ví dụ như anh Du Tử Lê mà tôi mới gặp hôm qua cùng với anh, tôi mới chỉ được đọc một hai bài, cho đến hôm nay mới có trên tay cuốn sách của anh Nguyễn Đức Tùng vừa tặng mà chưa kịp đọc (Với Du Tử Lê, đời sống trở nên thơ mộng hơn [4]). Đối với những người mà tôi đã được đọc tương đối đầy đủ, thì ở miền Nam ngoài Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng là những nhà thơ mà tôi hết sức yêu mến từ thời trước, những người khác như Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, và một mảng nào đó của Nguyên Sa, là tôi đặc biệt kính trọng.

N.Đ.T: Các nhà thơ trẻ thường dành cho anh sự yêu mến. Nhận định của anh về sáng tác của các nhà thơ trẻ trong nước hiện nay như Vi Thùy Linh, Nguyễn Vĩnh Tiến, Lynh Bacardi, Lê Vĩnh Tài, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Lý Đợi, Nguyễn Thuý Hằng v.v... ra sao?

D.T: Tôi là người rất kì vọng ở lớp trẻ, rất hoà đồng với họ. Tính tôi thì rất ham...

N.Đ.T: Ham vui?

D.T: (Cười) Ham vui thì đúng rồi. Nhưng ý tôi muốn nói là ham hoà đồng vào lớp trẻ. Tôi cho rằng nếu gọi những đóng góp của họ là những đóng góp lớn thì không đúng hoặc nên dè dặt, nhưng đó là những thứ quặng. Quặng thì không phải là vàng, nhưng nếu biết gạn đục khơi trong thì sẽ có thể tìm ra vàng trong đó. Họ cần sự tinh luyện.

N.Đ.T: Sự tinh luyện đó là gì? Lớp trẻ cần làm gì và học gì để có sự tinh luyện đó?

D.T: Sự tinh luyện nằm ở chỗ không được thỏa mãn với chính mình. Thường xuyên học hỏi thêm nữa. Rất nhiều. Khi họ được lắng xê, thì đó chỉ là bước đầu mà thôi. Đọc nhiều, học nhiều, tư duy thơ nhiều hơn nữa.

N.Đ.T: Ở gần chỗ ngồi của chúng ta hôm nay có chân dung rất đẹp của Dương Tường treo trên vách, do Vi Thùy Linh dựng trong ngày hội thơ tháng giêng ở Hà Nội. Vi Thùy Linh tạo ra nhiều dư luận khen chê khác nhau. Có những dư luận thuần túy văn chương, và những dư luận phi văn chương. Anh nghĩ sao về thơ của cô? Nói cụ thể hơn, với tư cách một người làm thơ lớp trước và là người đã từng viết phê bình và điểm sách, anh nhận định những mặt mạnh và những mặt yếu của thơ Linh ra sao? Tôi cũng có đọc bài phê bình của Nguyễn Thanh Sơn về Vi Thùy Linh.

D.T: Tôi là một trong những người cổ vũ Vi Thùy Linh và giới thiệu cô với độc giả. Tôi cũng là người đã dịch thơ Linh ra tiếng Pháp đăng trên Europe, một tạp chí lớn ở Pháp. Tôi cho rằng thơ Linh có được cái cảm xúc nguyên chất và tạo ra một mạch chảy của riêng mình. Sau tập thơ Đồng tử, tôi có nói với Vi Thùy Linh rằng nếu cô cứ tiếp tục làm như thế thì cô sẽ hết vốn, hết tinh hoa. Vốn đây là vốn chữ. Vì mỗi nhà thơ có một lượng chữ tinh cốt nhất định.

N.Đ.T: Anh muốn nói là từ vựng?

D.T: Đúng thế. Từ vựng. Mỗi người chỉ có một từ vựng giới hạn mà thôi. Tất nhiên, tôi nói từ vựng đây là từ vựng đặc thù của nhà thơ, mang dấu ấn của nhà thơ. Đừng có tiêu phí chữ. Cái đó là cái yếu của Vi Thùy Linh. Cô ấy cứ viết ào ào đi. Cần phải biết dừng lại để suy nghĩ, nói chung là phải biết dừng lại.

N.Đ.T: Một nhà văn nữ Hoa Kỳ trong một lớp dạy về văn học mà tôi được tham dự mới đây, có nói đại ý rằng: khi viết thì viết cho hết ý mình, đừng có để dành lại cho cuốn sách khác, vì đến lúc đó lại có cái khác.

D.T: Điều đó rất đúng, nhưng trong một tác phẩm cụ thể thì mình phải tập viết ngắn. Vi Thùy Linh viết thơ rất dài, vì cô không thể nào viết ngắn được. Tức là chưa biết tạo ra tinh chất.

N.Đ.T: Rất nhiều nhà văn, nhà thơ ở miền Bắc thuộc thế hệ thơ chống Mỹ, hoặc của miền Nam trước đây và ở hải ngoại, đều đồng ý với nhận định rằng thơ trẻ hiện nay lẫn lộn giữa thật và giả, và rằng các xúc động của thơ trẻ là ít có thật. Anh nghĩ thế nào về nhận định có phần nghiêm khắc này?

D.T: Tôi cho rằng những người đưa ra nhận định như thế hoặc là giáo điều, hoặc là không chịu đọc kĩ các nhà thơ trẻ và chịu khó kiểm nghiệm họ. Cần phải hoà đồng với tâm thức của giới trẻ hiện nay, đứng trong góc nhìn của họ thì mới hiểu và thông cảm được. Cần phải thấy cái suy nghĩ dằn vặt, cái thao thức của lớp trẻ hiện nay, chứ nếu mà đứng xa cách như thế và đưa ra sự phê phán thì tôi cho rằng nếu không phải hồ đồ thì cũng chưa được chín chắn cho lắm.

N.Đ.T: Kế hoạch viết của anh như thế nào trong một hai tháng tới hay một hai năm tới?

D.T: Trong một năm nay tôi không viết gì nhiều, đúng ra viết rồi lại xé, vì khi đọc lại tôi thấy thơ của mình chưa có gì mới. Nó thiếu cái evolution.

N.Đ.T: Tiến bộ, tiến hóa?

D.T: Cũng không phải là tiến hóa, evolution, theo cách tôi hiểu, có nghĩa là triển diễn, không nhất thiết là "tiến". Khi tôi không thấy được cái đó trong thơ mình, thì tôi xé bỏ bản thảo. Chưa khác được những cái tôi đã làm trước đây. Có thể nói là tôi đang ở trong giai đoạn khủng hoảng sáng tác. Nhà thơ bao giờ cũng phải tìm cách vượt qua cái mình đã làm, và không được lặp lại.

N.Đ.T: Anh là một trong những người rất hiếm hoi am tường những bộ môn nghệ thuật khác nhau. Những người làm thơ có nên có những hoạt động khác ngoài thơ không? Điều đó có giúp ích gì cho họ không?

D.T: Tôi không phải là người thường đưa ra lời khuyên. Nhưng tôi tin rằng người làm văn học cần có cái culture generale, tức là cái nền văn hoá chung. Không có cái nền văn hoá như thế thì anh chỉ viết một thời gian rồi hết vốn liếng, không đi xa được. Tuy nhiên, do làm nhiều thứ quá, từ dịch thuật cho đến hội họa, tôi cũng thấy mình ôm đồm nhiều quá, ôm nhiều quá thì không chặt. Qui trop embrasse mal étreint, người Pháp nói thế. Trong lời bạt cuốn Chích chòe tôi cũng gợi ý đề anh Lê Đạt khi viết lời bạt nhắc đến điều này.

N.Đ.T:

Ở đây tất cả đều tũn mủn.

Chỉ riêng khổ đau là hoành tráng

Là những câu thơ hay và dễ hiểu của Dương Tường. Nhưng viết như thế này:

Em đi/ môi mọng/ đôi môi mọng/ vú ảm/ tim trống/ đầu trống/ Em đi - nhót đêm/ Em đi - trời nghiêng/ Em - đời bỏ quên

Thì theo tôi, Dương Tường đã tạo ra được một lối viết mới với cách dùng chữ táo bạo.

D.T: Muốn làm ra những điều táo bạo, tôi nghĩ phải có những kiến thức thông thường và những kiến thức sâu sắc về văn hoá, lịch sử. Sự không đọc nhiều hiểu rộng của lớp trẻ bây giờ cũng là một điều đáng lo, đáng báo động.

(24/8/10-09)

[1] "Poetry, as the language of the unconscious and of dreaming, has its roots in primary process experience and is closer to the primordial union with the mother than the secondary process language of prose. The poems that move us most deeply are those which evoke the poignancy of that lost union, when in fantasy the boundaries of self and other were melted away." (Craig Powell, được trích dẫn bởi Gary Geddes, 20th Century Poetry and Poetics, Fourth Edition, Preface pg. xv, Oxford University Press, Toronto, 1996). Tạm dịch: "Thơ ca, như là ngôn ngữ của vô thức và giấc mơ, bắt nguồn từ các kinh nghiệm thuộc quá trình sơ cấp và gần với sự hòa hợp nguyên sơ của tình mẫu tử hơn là ngôn ngữ văn xuôi vốn thuộc về

quá trình thứ cấp. Những bài thơ làm chúng ta rung động một cách sâu xa là những bài thơ dấy lên được nỗi xúc cảm về sự hòa hợp đã mất này, khi trong giả tưởng những biên giới giữa cái tôi và người khác trở nên nhạt mờ.”

^[2] Dương Tường. *Mea Culpa và những bài khác*. Tuyển tập thơ. Nhà xuất bản Hải Phòng 2005.

^[3] Tovarish, tiếng Nga, nghĩa là đồng chí.

^[4] Nguyễn Đức Tùng. *Với Du Tử Lê, đời sống trở nên thơ mộng hơn. Tuỳ bút và phê bình*. Tự Lực Bookstore xuất bản. California 2007

^[5] Dương Tường. *Chỉ tại con chích choè*. Tạp luận. Nhà xuất bản Hội Nhà văn 2005.

Lời dẫn trong buổi đọc văn của nhà văn Bùi Ngọc Tấn tại Viện Goethe Hà Nội, ngày 28.5.2004

Người chưng cất nỗi đau thành hy vọng

Thưa quý vị và các bạn,

Hôm nay, chúng ta gặp mặt ở đây để mở đầu một dạng hoạt động mới của Viện Goethe Hà Nội, phù hợp với thiên chức thừa kế từ đại thi hào Đức mà Viện mang tên. Đó là những buổi giới thiệu văn học sẽ tổ chức thường kỳ, trong đó các bạn yêu văn học sẽ có dịp gặp gỡ và giao lưu với những nhà văn, nhà thơ mà mình mến mộ.

Người đầu tiên nhận lời tham gia sinh hoạt này là nhà văn Bùi Ngọc Tấn đến từ thành phố cảng Hải Phòng. Nếu hạnh phúc là tổng hoà của những vui sướng và đau khổ, tủi nhục và an ủi, hy vọng và tuyệt vọng, hạnh ngộ và bất hạnh, cũng như ký ức không phai nhạt về tất cả những trải nghiệm ấy, thì Bùi Ngọc Tấn có thể coi là một người hạnh phúc. Tôi thì tôi ưng gọi Bùi Ngọc Tấn là *người chưng cất nỗi đau thành hy vọng*.

Không, thưa quý vị và các bạn, tôi sẽ không dài lời về nỗi đau ấy. Chỉ xin nói rằng nhà văn mà chúng ta sắp nghe đọc tác phẩm đã có một quãng im lặng kéo dài hơn hai thập kỷ, hơn hai thập kỷ không cất nổi bút trong đời văn của mình. Nhưng rồi ông đã vượt lên những ê chề của số phận. Qua những năm dài hoạn nạn, Bùi Ngọc Tấn đã giàu thêm bao trải nghiệm trên mọi cung bậc trầm luân của nhân sinh và hoà đồng với những thân phận phó người sau này trở thành tiêu mẫu cho các nhân vật của ông trong các tập truyện *Những Người Rách Việc*, *Một Ngày Dài Đằng Đằng*, trong *Chuyện Kể Năm 2000*, chưa kể những trang đầy tình nghĩa trong *Một Thời Để Mất*, *Viết Về Bè Bạn*. Những gì chảy ra từ ngòi bút Bùi Ngọc Tấn khiến tôi nghĩ đến quan điểm của Albert Camus về nhà văn và nghề văn được bày tỏ trong diễn từ nhận giải Nobel văn học tại Stockholm (Thụy Điển) ngày 10/12/1957:

“Theo định nghĩa, nhà văn giờ đây không thể phụng sự những người làm ra lịch sử, anh ta phục vụ những kẻ cam chịu lịch sử. Nếu không, anh ta sẽ cô đơn và mất nghệ thuật của mình. Tất cả những đạo quân của bạo cường với hàng triệu người cũng sẽ không cứu nổi anh ta ra khỏi sự cô đơn, ngay cả và nhất là nếu anh ta thuận tình đi đều bước với họ. Nhưng sự im lặng của một người tù không quen biết ở tận cùng thế giới, bị bỏ mặc trong nhục nhằn, cũng đủ kéo nhà văn ra khỏi trạng thái lưu đày ấy mỗi khi, giữa những đặc quyền đặc lợi của tự do, anh ta có thể vượt lên để không quên sự im lặng đó và làm cho nó vang lên bằng những phương tiện của nghệ thuật.”

Và đây xin mời quý vị và các bạn lắng nghe im lặng đó vang lên qua một truyện ngắn nhan đề *Người chần kiến* của tác giả Bùi Ngọc Tấn.

Dương Tường kẻ chữ Đặng Tiên

Nhà thơ Dương Tường vừa được Cộng hòa Pháp tưởng thưởng huân chương *Nghệ Thuật và Văn Học*, Officier des Arts et Lettres, có lẽ trong tư cách dịch giả, vì anh đã chuyển ngữ rất nhiều tác phẩm Phương Tây sang tiếng Việt, bắc nhịp cầu giao kết hai bờ văn hóa Việt Nam và Âu Tây – trong đó có nước Pháp là thân thiết nhất. Dương Tường có nhiều dịp viếng thăm Pháp, thích dạo chơi Paris, và thường nhằm đường vì tưởng mình đang đi giữa Hà Nội ; ở Hà Nội thì khi cao hứng lại thích hát bài Tây.

Gọi anh là dịch giả là đúng, vì sinh hoạt chính của anh, thậm chí là nghề. Gọi là thi sĩ càng đúng, vì anh sống ở đời trong tâm thế thi nhân. Tôi gọi anh là *ngữ nhân*, hay *kẻ chữ*, người sống với ngôn ngữ, thao tác trên ngôn ngữ, lấy ngôn ngữ làm lương thực trần gian. « *Ngữ nhân* » rộng nghĩa, và trầm trọng hơn từ « *phu chữ* » mà bạn anh, Lê Đạt đã dùng. *Phu*, dù là đại phu, trượng phu hay phu phen vẫn còn giới hạn nghiệp vụ hay giai cấp. *Nhân* là người. *Ngữ nhân* là người sống bằng ngôn ngữ, xem ngôn ngữ là lẽ sống. Ngôn là lời nói cá nhân, là parole, ngữ là tiếng nói cộng đồng, là langue, của nhiều dân tộc. Người dịch thuật sống lác lư giữa *lời* và *tiếng* : cuộc đời Dương Tường là con tàu say lác lư triền miên trên đại dương ngôn ngữ không bờ không bến.

Họ tên họ đầy đủ là : Trần Dương Tường. Ai gửi thư, nên ghi tên họ đầy đủ thư mới đến ; thận trọng hơn, đề tên chị ấy, Nguyễn thị Trinh, thư đến nhanh hơn.

Trần Dương Tường, sinh ngày 4 tháng 8, 1932, tại Nam Định. Dòng dõi gia thế, ông nội đỗ cử nhân, làm đốc học. Thân sinh phá nghiệp, đi kinh doanh, làm thầu khoán. Gia tư khá giả, gia đình anh ngày nay thừa hưởng ngôi nhà 3 b, ngõ Phan Huy Chú, Hà Nội, một thời làm nơi tụ họp của bạn bè lãng tử. Về sau biến thành phòng triển lãm tranh, Gallery Mai, đứng tên con gái, nơi tụ họp nghệ sĩ nhiều lớp tuổi khác nhau, không nhất thiết bè phái. Nhưng họp tính thì vẫn vui hơn.

Dương Tường học tiểu học tại Nam Định. Lên Hà Nội vào trung học vài năm thì gặp Cách mạng tháng 8. Anh bỏ trường, đi làm liên lạc cho Việt Minh, khu Vĩnh Yên. Gia đình gọi về, đi học lại vài tháng tại trường Phan Chu Trinh, rồi lại đi kháng chiến, làm tuyên truyền. Gia nhập bộ đội 1949. Không biết chiến sĩ Dương Tường đánh chác ra sao, nhưng trong ba lô thường có hai tờ diễn tiếng Pháp và tiếng Anh : anh tự học ngoại ngữ từ đó và bằng cách ấy.

Năm 1950, tại mặt trận Hối Đào, Nam Định, Dương Tường thuộc trung đoàn 66, đọc « *A l'Ouest, rien de nouveau* » của E.M. Remarque, và khám phá ra rằng... phương Tây cũng có điều mới lạ. Xong chiến tranh, anh về công tác tại Thông tấn Xã Việt Nam đến 1964. Tham gia Ủy ban điều tra tội ác đế quốc Mỹ tại Vịnh Bắc Bộ, rồi chuyển sang dịch thuật. Đời sống khó khăn và dao động, nhất là vào thời điểm vụ án xét lại chống Đảng. Anh là người kêu gọi tập hợp mua vòng hoa viếng Dương Bạch Mai bị đột tử và bị kết án câu kết với Liên Xô. Dương Tường mang vòng hoa đến ngay tang lễ. Chi tiết thôi, nhưng Hà Nội thời ấy là sự cố, và nói lên dũng khí và tình nghĩa.

Bắt đầu dịch từ 1960 : *Cây Tường vi*, tập truyện Liên Xô.

1960 : dịch Tchekov, cùng với Cao Nhị, Nhị Ca, Lê Phát. *La Mouette*, Hải Âu (cháu trai Hải Âu do tên vở kịch) ; *L'oncle Vania*, Ông Cậu (nhắc lại : Nguyễn Tuân viết bài về Tchekov nên thành có « vấn đề »).

1963 : *Anna Karénine* của Tolstoi cùng với Nhị Ca, và được phép ký tên dịch giả.

Sau đó không được phép ký tên cho đến 1972.

Tiếp theo là *Đất Dữ*, *Terres Violentes*, của Georges Amado, truyện Ehrenbourg, Simonov, từ tiếng Pháp. *Thư người đàn bà không quen* của Stefan Zweig, một số kịch Shakespeare, truyện *Đồi gió hú* của E. Bronte, *Cội Rễ* của Alex Haley, 1980 ; *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell, 1989.

Có lúc anh quan tâm đến Patrick Modiano *Đại lộ ngoại vi*, *Les Boulevards de Ceinture*, (giải Hàn Lâm Viện Pháp) ; *Phố những cửa hiệu u tối*, *Rue des Boutiques Obscures* (giải Goncourt), rồi đến Claude Simon (Nobel 1985) vừa khó vừa dài : *Con đường xứ Flandres*, *La route des Flandres* ; Günter Grass (Nobel 1999) : *Cái trống thiếc*, *Le Tambour*. Cuốn *l'Étranger* của Albert Camus, anh dịch *Người Dưng* đã gây tranh cãi. *Mặt trời nhà Scorta*, *Le soleil des Scorta*, của Laurent Gandé, 2005.

Nhiều người nhận xét : Dương Tường ham vui, thậm chí ham chơi. Thì giờ đâu mà dịch nhiều thế ? Và tuổi cao, thân xác gầy còm thì sức khỏe đâu ra mà vừa dịch, vừa viết phê bình, lý luận, đặc biệt về Mỹ Thuật, tập hợp thành sách dày cộm, *Chỉ tại con Chích Chòe*, 2003. Và nhiều tập thơ : *36 Bài tình* (chung với Lê Đạt), 1989 ; *Đàn*, 2003, một thể nghiệm thơ bằng hội họa ; *Thơ Dương Tường* (2005) gồm nhiều bài tân kỳ, có bài bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, đáp ứng lại với tư trào thi ca mới trên thế giới. Và quan niệm mới về thơ, khác với ngôn ngữ đời thường. Thơ không còn là công cụ biểu đạt khái niệm : thơ là câu chữ tự lấy mình làm đối tượng, chủ yếu về ngữ âm.

Trên tạp chí Sông Hương tháng 6.1990, Dương Tường trả lời phỏng vấn : « *vật liệu chính của thơ tôi không phải con chữ mà là con âm. Có lẽ điều phân biệt giữa các bạn thơ khác và tôi là ở chỗ họ làm việc ngôn ngữ trên chiều 'biểu nghĩa' (signifié), còn tôi làm việc ngôn ngữ trên chiều 'năng nghĩa' (signifiant). Những gì ở thơ họ là 'đã' thì ở tôi là 'đang'. Nói cách khác, ở thơ các bạn đó là mặt chữ nhìn 'thẳng' còn ở tôi là mặt chữ nhìn 'nghiêng'. Tôi nghĩ sức gọi của thơ mình nằm ở mặt chênh đó, nó nảy lên một cái gì giống như âm bồi (son harmonique) trong âm nhạc vậy. Tôi muốn đi theo một thi pháp âm bồi, nếu có thể gọi thế. Và nếu như những câu thơ tôi có một nghĩa nào đó thì là do các âm chữ hắt ánh lên thành một thứ cầu vồng trên mặt chữ mà thôi ».*

Dương Tường sành âm nhạc, thích nhạc cổ điển Tây Phương.

Nhà thơ Hoàng Hưng, trong lời bạt cho tập *Thơ Dương Tường*, đề làm sáng tỏ đề tài, phân biệt hai quan niệm, hai dòng thơ : « *dòng nghĩa* » *làm việc trên chiều biểu nghĩa, signifié*, (thường gọi là « *cái được biểu hiện* ») và « *dòng chữ* » *làm việc trên chiều năng nghĩa, signifiant* (giới ngữ học gọi là « *cái biểu hiện* »).

Nói khác đi, Dương Tường ngoài công tác dịch thuật, đã góp sức vào việc cách tân thơ Việt Nam, vừa bằng sáng tác, vừa bằng lập thuyết, vừa bằng cách ủng hộ những nhà thơ trẻ và tư trào thơ mới đương đại.

Ngoài ra, trong hội họa, bằng những bài phê bình, giới thiệu và nhờ phòng triển lãm của gia đình, anh cũng đóng góp vào sự nghiệp gầy dựng cho đất nước một quan niệm nghệ thuật hội họa mới. Và bản thân anh cũng vẽ tranh.

Nhìn chung vào cuộc đời và sự nghiệp Dương Tường, tôi gọi anh là « *ngữ nhân* » hay « *kẻ chữ* » là vì vậy.

Dương Tường Kẻ Chữ : với nhau, nôm na thế thôi. Vậy thôi

Dương Tường gánh gàn trọn gia tài thế kỷ 20, loạng choạng bước vào thế kỷ 21 với nhiều món hàng cách tân linh kinh. Lịch sử điêu linh, con người phiêu linh gàn trọn kiếp, có lúc anh phải bán máu (chuyện thật) để nuôi tiếp cuộc sống và niềm tin văn nghệ : cái huân chương « *văn*

nghệ », *Arts et Lettres*, của nước ngoài hôm nay không thêm vinh dự nào, cũng không đánh giá được Dương Tường trong quá trình gian nan, oan khuất và thành đạt mà anh đã trải qua. Nó chỉ là một vật nặng bất ngờ, sau những ngày giông bão, hất vào hình trạng một hành nhân, nhắc cho bè bạn và độc giả quãng đường gập gềnh anh ấy đã đi qua.

Để rồi Dương Tường đi tiếp, còn đi tiếp, sẽ đi nữa, và đi mãi :

Trời chưa cho nghỉ thì mình cứ đi.

Tản Đà, đầu đó, đã rù quên chúng ta như thế.

Orléans, 14.01.2009

Luyện võ cho văn

Trong nghề võ, để đạt tới một trình độ cao, người ta phải khổ luyện không ngừng theo những nguyên tắc, kỷ luật rất chặt chẽ. Có khi để hoàn thiện một ngón riêng nào đó, người ta tự bắt mình theo những điều kiện hết sức cưỡng chế: bịt mắt hoặc trói tay, .v.v.

Các cụ ta xưa làm thơ theo những niêm luật nghiêm ngặt mà vẫn phóng bút thật sự khoáng đạt, đó cũng là một cách trói tay để múa võ.

Nhà văn Việt Nam đương đại, theo nhận xét của tôi, dường như có phần trể nải về mặt rèn tập bút pháp, nói cách khác là ít chú ý luyện võ cho văn mình mà chủ yếu chỉ cốt lấy nội dung và chủ đề tư tưởng làm đầu. Thiết nghĩ nếu chỉ vụ vào ý mà không chịu làm việc nghiêm túc với chữ thì làm sao thành được văn học.

Xin kể một lò luyện võ cho văn ở Pháp. Vào những năm 1960, một nhóm nhà văn, nhà thơ, nhà toán học thể nghiệm, trong đó có các tên tuổi như Rây mông Kê nô, Gióc giơ Pê rếch... lập "xưởng văn học tiềm lực". Những nghệ sĩ này hướng những cố gắng trau dồi nghề nghiệp tới đích làm sống lại những hình thức văn chương hiếm hoặc phát minh những thủ pháp mới với nhiều cưỡng chế và tự ví mình như những con chuột tạo ra những hang ngách ngoắt ngoéo để tìm cách thoát ra khỏi đó. Rây mông Kê nô, một trong những người sáng lập "xưởng" nghĩ ra 'mẹo' sản xuất hàng trăm nghìn tỉ bài xo nê bằng cách hoán vị đến không cùng các câu thơ. Giảng Lê xuy rơ đề xưởng phương pháp "N+7": cho một văn bản và thay tất cả các danh từ trong đó bằng những danh từ cách nó một quãng bảy từ mục trong cuốn từ điển do mình chọn.

Một dạng tập dượt khác: li pô gram. Đây là đoạn văn phẩm trong đó tác giả loại bỏ hoàn toàn một chữ cái nào đó. Xưa kia, nhà thơ Hy Lạp Tri phi do rơ (TK 5-6) đã từng viết trường ca Ô đi xê theo thủ pháp này: quyền một không có chữ anpha, quyền hai không có chữ beta, .v.v. La đi spa ra xi ông (Mát hút), một cuốn tiểu thuyết dài hơn 300 trang trong đó không có một chữ e nào. Ta biết rằng tần số của chữ cái này trong tiếng Pháp cao đến mức trong sách báo thông thường, tìm được dù chỉ một câu không có nó là điều hết sức hãn hữu. Để làm đối tỉ, Pê rec lại viết một cuốn tiểu thuyết khác trong đó nguyên âm duy nhất hiện diện là chữ e. Quả là những kỳ tích Ec quyn! Nhà thơ Mỹ nổi tiếng Đê vít Sê pi lô rất ngưỡng mộ nhóm này. Ông nói: "Nhiều bài thơ của tôi cũng là li pô gram" và nửa đùa nửa thật giải thích thêm: "tôi bắt đầu thích kiểu tập dượt này từ khi đưa con trai lên ba của tôi nghịch làm gãy chữ t ở máy chữ của tôi". Tôi nhắc lại: đây chỉ là chuyện luyện tay nghề và bài này nhằm chống một quan niệm coi mọi cố gắng tu từ là thứ yếu, là chuyện thuần túy hình thức chủ nghĩa.
(*Văn nghệ số 24/1988*)

Tự sự của Dương Tường: Bài "Luyện Võ Cho Văn" tôi viết đã hai mươi năm rồi, từ hồi "tiền-đổi mới", khi mà không ít nhà văn Việt Nam còn sợ bị chụp cho cái mũ "hình thức chủ nghĩa", chỉ

chăm chăm phô diễn lập trường qua nội dung tư tưởng. Hồi đó, chưa xuất hiện những gương mặt đánh dấu bước ngoặt của văn học đổi mới như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... Từ đó đến nay, tình hình đã khác đi, khả quan hơn. Nhiều nhà văn đã có ý thức “luyện võ cho văn,” rèn tập bút pháp. Tuy nhiên, vẫn ít người có được chữ ký riêng hiển thị ở những cái mình viết ra, khiến cho người đọc chỉ lướt mắt qua đã nhận ra. Hiếm thấy ai có được hệ từ vựng (vocabulary) đặc trưng của mình (chẳng hạn, người ta nói chữ của Nguyễn Tuân). Nhà khoa học có phòng thí nghiệm. Nhà văn, người làm hóa học chữ (word chemistry), cũng cần có phòng thí nghiệm riêng để làm các thử nghiệm khác nhau với những con chữ của mình. Nói chung, nội dung, bao gồm tư tưởng (tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị, tư tưởng tôn giáo...) và cảm xúc thường là cốt lõi của một tác phẩm. Song hình thức, hay nói như Lưu Diêu Vân, nghệ thuật sắp đặt chữ nghĩa để chuyển tải nội dung đó, cũng rất quan trọng. Trong một cuộc luận bàn về nội dung và hình thức với một số đồng nghiệp, tôi có tếu táo đưa ra một thí dụ như sau: giả sử một bữa tiệc toàn những sơn hào hải vị tuyệt trần thuộc loại “tiến vua”, nhưng thay vì bát đĩa, người ta “xọc-via” cho anh trong những bô vệ sinh (dù là mới tinh, vừa xuất xưởng, chưa dùng bao giờ), liệu anh có thể ăn ngon miệng được không? Riêng trường hợp James Joyce, đặc biệt ở Ulysses, ngôi “đại giáo đường văn xuôi” của ông, và Finnegans Wake, nghệ thuật thao tác ngôn ngữ mới chính là phần chính yếu, vượt lên cả nội dung, chí ít là theo nhận định cá nhân của tôi. Hai tượng đài văn học này đã đánh dấu một bước ngoặt của tiểu thuyết thế giới”.

Tôi (cũng) là bạn của ông Dương Tường Tường Năng Tiến

Tôi đứng về phe nước mắt.
(D.T.)

Tôi có cái thói hễ thấy người sang (là) bắt quảng (ngay) làm họ. Nhưng riêng chuyện tôi cũng (muốn) là bạn của ông Dương Tường thì không hẳn thế. Ông ấy, rõ ràng, trông cũng bệ rạc thấy mẹ – y như tôi thôi – chứ chả có sang trọng quái gì đâu.

“Một lần Dương Tường đưa nhóm họa sĩ 5 người (gang of five) từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh mở triển lãm. Nguyễn Quân mời tất cả tới khách sạn chiêu đãi. Dương Tường đi xích lô, tay cầm tờ Vietnam News cẩn thận, bước vào khách sạn to lớn, mặc sắc phục nắm chặt vai anh, đẩy ra vỉa hè:

- Không được bán báo ở trong ấy! Đi ra ngoài kia mà bán!

Chuyện ở Hà Nội:

Một ngày giáp tết, nghe mấy họa sĩ trẻ rủ rê, Dương Tường đi chợ hoa với họ. Vào chợ, họ tản mát khắp nơi để chọn bằng được một cành hoa đào ưng ý. Lơ ngơ một mình giữa chợ, Tường mua đại một cành đào, vác ra ngoài cổng chợ đứng chờ. Đang cầm cành hoa mới mua, xo ro trong mưa dầm gió bắc, bỗng một bàn tay nắm lấy vai anh, đẩy vào trong chợ:

- Không được bán hoa ở đây! Mang vào trong chợ mà bán! Đó là người bảo vệ chợ (Bùi Ngọc Tấn, “Tôi Là Bạn Của Ông Dương Tường,”

<http://www.canhen.de/noidung/baoce/CE2005/CE03va04/baiviet/buingoctan.htm>).

Vấn cứ theo như lời Bùi Ngọc Tấn thì Dương Tường nhỏ người. Đã là dân Việt mà lại nhỏ con thì phải hiểu là ... nhỏ lắm. Tôi áng chừng ông ấy cao khoảng một thước năm mươi lăm đở lại, và nặng cỡ bốn mươi lăm ký là hết sức.

Tôi thì khác. Tôi cao đến một thước tám mươi, và nặng gấp rưỡi Dương Tường. Chỉ có điều đáng tiếc là cái vóc dáng “cao cả” này đã không khiến cho tôi trông cao sang, và quý phái hơn ông ấy được bao nhiêu – nếu chưa muốn nói là ngược lại.

Tôi cũng bị đời “hiểu lầm”, rất nhiều lần, chỉ vì trông không được bảnh bao gì cho lắm. Mới hôm qua chữ đầu, tôi ngồi cú rữ (một đồng) trên mấy bậc thềm – trước khu thương xá Phước Lộc Thọ – ở phố Bolsa. Tôi hay bị buồn (ngang) khi ngày sắp tắt, nhất là vào những buổi chiều tàn – ở California.

Màu nắng vàng hanh, hay đỏ rực của ráng chiều, dễ làm cho kẻ tha hương trạnh lòng nghĩ về chốn cũ. “*Chiều nay gửi đến quê xưa, bao là thương là nhớ cho vừa ...*”

Tôi cứ ngồi hát nho nhỏ, chỉ đủ cho chính mình nghe như thế, mà thấy nẫu cả lòng. Hẳn là trông tôi phải thê thảm lắm nên có một bà đồng hương đi qua, đã cúi xuống, kín đáo dúm cho tôi một tờ giấy bạc. Cảm thì kỳ mà không cảm cũng kẹt nên tôi cảm (đại). Miệng lí nhí nói cảm ơn mà mặt đỏ bừng!

Cũng theo lời kể của Bùi Ngọc Tấn, vào những năm đầu thập niên 60, Dương Tường phải sinh sống bằng nghề ... bán máu. Ông Tấn đã hơi bi thảm hoá vấn đề, khiến nhiều người nghe muốn rơi nước mắt, chứ ở xứ tôi (nói tình ngay) mà có máu để bán, và có người mua – lại không phải qua cò, vì ông Tường vốn quen biết lớn – thì sung sướng và hạnh phúc lắm rồi, còn than van gì nữa?

Sau 1975, đất nước thống nhất, “Nam/Bắc hoà lời ca”, tôi ca (hơi) trật nhịp nên bị tóm đi học tập một thời gian. Ra khỏi trại tù, với cái giấy tạm tha, tôi sống lang thang vất vưởng ở nhiều nơi – trước khi trôi rạt về Rạch Giá.

Thành phố này, vào mùa mưa, hay có những ngày biến động. Trời thấp, ẩm, lạnh, mây xám màu chì. Lòng buồn, bụng đói, dạ hoang mang. Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ. Tôi hay loanh quanh trong chợ Nhà Lồng của Rạch Giá, mắt lảo liên nhìn quanh những bàn ăn, chỉ chờ thực khách bụng đói là nhào vào húp vội phần ăn còn lại. Chao ơi, giá lúc ấy mà có máu để bán và có người mua thì đỡ (khổ) biết chừng nào?

Những cảnh đời (không may) mà Dương Tường trải qua, tôi cũng đều đã nếm. Đồng cảnh tương lân. Kiếp sống lao đao của ông ấy khiến tôi sinh lòng ái ngại nên (thoáng) có ý muốn làm bạn cho vui, thế thôi.

Nhưng cuộc đời của Dương Tường không chỉ khốn khổ và khốn nạn như thế. Nó tệ hơn thế, đôi khi. Ông ấy còn bị bạn bè xa lánh, “*bị công an thẩm vấn nhiều lần, mỗi bước đi đều bị giám sát chặt chẽ*”. Và cũng có những khi Dương Tường được ưu ái cho đi nước này nước nọ. “*Anh được Cộng đồng pháp ngữ mời sang Pháp. Anh sang Đức trong Festival Gặp Việt Nam của Đức*” (Bùi Ngọc Tấn. “Tôi Là Bạn Của Ông Dương Tường”. *Viết Về Bè Bạn*. Nhà Xuất Bản Hải Phòng, 2003, 42).

Lúc nào thì Dương Tường cũng nằng nặc ... đứng về phe nước mắt, như ông đã tuyên bố như vậy – bằng thơ. Ngày 28 tháng 5 năm 2004, tại viện Geoge, ở Hà Nội, khi giới thiệu buổi đọc văn của một bạn đồng nghiệp, Dương Tường phát biểu:

“*Những gì chảy ra từ ngòi bút Bùi Ngọc Tấn khiến tôi nghĩ đến quan điểm của Albert Camus về nhà văn và nghề văn được bày tỏ trong diễn từ nhận giải Nobel văn học tại Stockholm (Thụy Điển) ngày 10/12/1957:*

“*Theo định nghĩa, nhà văn giờ đây không thể phụng sự những người làm ra lịch sử, anh ta phục*

vụ những kẻ cam chịu lịch sử. Nếu không, anh ta sẽ cô đơn và mất nghệ thuật của mình. Tất cả những đạo quân của bạo cường với hàng triệu người cũng sẽ không cứu nổi anh ta ra khỏi sự cô đơn, ngay cả và nhất là nếu anh ta thuận tình đi đều bước với họ. Nhưng sự im lặng của một người tù không quen biết ở tận cùng thế giới, bị bỏ mặc trong nhục nhằn, cũng đủ kéo nhà văn ra khỏi trạng thái lưu đày ấy mỗi khi, giữa những đặc quyền đặc lợi của tự do, anh ta có thể vượt lên để không quên sự im lặng đó và làm cho nó vang lên bằng những phương tiện của nghệ thuật” (Dương Tường, “Người Chứng Cắt Nỗi Đau Thành Hy Vọng,” <http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=1644&rb=0102>).

Nếu tính từ lúc Nguyễn Mạnh Tường đọc tham luận, góp ý với Đảng CSVN, trước phiên họp của Mặt Trận Tổ Quốc (vào ngày 30 tháng 10 năm 1956, rồi bị vùi dập cho đến chết) thì mãi đến nửa thế kỷ sau, người ta mới lại được nghe tiếng nói đồng đạc và thẳng thắn như thế – của lương tri – qua miệng Dương Tường, giữa lòng Hà Nội.

Tôi trộm nghĩ (rất có thể) là Dương Tường đã tạo nền cho những bài tham luận nẩy lửa – trước thềm Đại Hội Nhà Văn Việt Nam lần thứ VII. Sau nhiều năm nín lặng, những người cầm bút Việt Nam đã cùng lên tiếng (nói một cách “chê hoe” và “trắng phớ”) về hoàn cảnh tồi tệ và nghiệt ngã mà chế độ đã dành cho họ.

Dương Tường, cùng với “Phạm Xuân Nguyên, Phạm Minh Ngọc, Nguyễn Xuân Quang, Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Huy Thiệp ... – và nhiều vị nữa mà tôi đã không có cơ hội đề cập đến hay trích dẫn phát biểu của họ trong bài viết ngắn ngủi này – đang lăm lăm những cây đinh (mười phân) sẵn sàng đóng vào những tấm ván thiên, dành cho Hội Nhà Văn Việt Nam” (“Chê Hoe Và Trắng Phớ,” <http://danchimviet.com/php/modules.php?name=News&file=article&sid=298>).

Nếu những suy đoán chủ quan của tôi mà không trật thì Dương Tường (rõ ràng) quá bảnh. Ông ấy chỉ có cái dáng ngoài bệ rạc (như tôi) thôi chứ tư cách thì ngon lành hết biết. Tôi mới đụng chuyện với Đảng và Nhà Nước CS đâu có vài năm (lẻ) đã ù té bỏ chạy, và chạy luôn tới bữa nay, tuyệt nhiên không dám quay đầu nhìn lại. Còn Dương Tường, và những kẻ đồng hội đồng thuyền

“... đã gánh cây thập ác đi trợn đường trần ai của mình.

Không vút xuống

Không chạy trốn.

Không ngã gục.

Không dừng bước

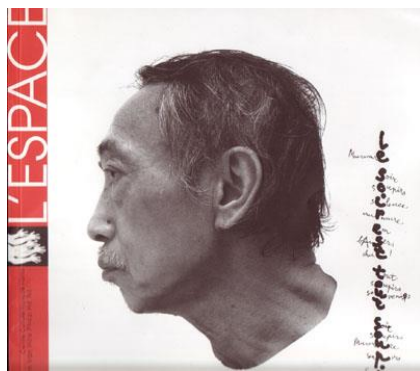
Và dấu không là Chúa, các ông đã được phục sinh”

(Phạm Xuân Nguyên. “Một Kiếp Bên Trời”. Viết Về Bè Bạn. Ed. Bùi Ngọc Tấn. Nhà Xuất Bản Hải Phòng, 2003. 296).

Một thằng cha bảnh bao cỡ đó mà tôi cứ nặng nề đòi làm bạn thì e hơi (bị) khó.

Khó thì thôi.

Phụ đính trang thơ Dương Tường



Senerade 3

- Chờ em đường dương cầm mưa
giọt giọt lá buồn dạ khúc
xào xạc lòng tay khuya
anh về lối dương cầm lạnh

Đọc triển cô đơn tôi

- Đọc theo triển số mệnh
tôi cai sữa cô đơn
Đọc triển cô đơn tôi
mặt trời đang nằm xuống
đọc triển cô đơn tôi

Không đề

- Buổi chiều làm bằng gì nhỉ
Bằng tịch lặng
Tiếng lá rì rào
Những cuộc tình héo úa
Luyến nhớ
Kỷ niệm

Chợt thu

Chiều se sẽ hương
Vườn se sẽ sương
Đường se sẽ quạnh
Trời se sẽ lạnh
Người se sẽ buồn

Tình khúc 24

- Gửi lại em
24 phổ dài thơ
24 xêrênađ
24 vibratô

24 khung trời tím
24 lối công viên
24 vàng trắng góa
Gửi lại em
gửi lại em tất cả
kể cả con âm đầu trót thụ mầm thơ
Riêng đêm em xòa bóng nốt ruồi
24 quãng
anh giữ

Anh và em

Anh lang thang em...
Anh mini em...
Anh xanh xao em...
Anh tiết canh em...

Phụ đính trang văn Dương Tường

Dương Tường - dịch giả cao niên, nhà thơ trẻ Lê Hồng Lâm

Dương Tường đã có cháu gọi bằng cụ từ mấy năm nay, nhưng ra đường ông vẫn được các cô nhà thơ nữ 8X gọi bằng anh ngọt xót. Trong Hội nghị nhà văn trẻ vừa rồi ở Hội An, ông còn được giới thiệu là... nhà thơ trẻ nhất!

Năm nay đã bước sang tuổi 75, dịch giả, nhà thơ, nhà phê bình nghệ thuật “avant garde” (tiên phong) này vừa lên đường sang châu Âu hai tháng theo một học bổng dành cho dịch giả do Trung tâm quốc gia về sách của Pháp cấp, sau những ngày dài “ở ẩn” để hiệu đính bản dịch *Mặt mã Da Vinci*.

Với một người “ham chơi” như Dương Tường, bỏ ra gần bốn tháng giam mình để hiệu đính một bản dịch như *Mặt mã Da Vinci* thì đúng là tự hành xác. Mỗi ngày miệt mài làm việc 10 giờ đồng hồ, cuối cùng ông cũng hoàn thành bản hiệu đính.

Tự nhận là chỉ hài lòng ở mức độ “sạch nước cần”, không để lọt những lỗi đáng kể, nhưng hỏi ông có thích tác phẩm này không thì ông trả lời ngay là “không”.

- *Vậy một tác phẩm như thế nào thì khiến ông hứng thú với công việc chuyển ngữ?*

- Phải là những tác phẩm thách thức lớn về mặt văn học, tư tưởng và ngôn ngữ.

- *Những tác phẩm nào ông từng dịch thuộc loại đó?*

- *Con đường xứ Flandres của Claude Simon (Pháp); Alexis Zorba của Nikos Kazantzaki (Hi Lạp); Bức thư của người đàn bà không quen của Stefan Zweig (Áo), Cái trống thiếc của Gunter Grass (Đức)... là những tác phẩm tôi hài lòng nhất với công việc chuyển ngữ; theo đúng tiêu chí phần đầu của tôi: “Một bản dịch lý tưởng phải là một tác phẩm, trong đó người dịch là đồng tác giả”.*

- *Nếu so với giá sách ngoại văn đồ sộ của ông thì những gì đã dịch chỉ chiếm một con số rất nhỏ. Còn những thách thức nào mà ông chưa thể hoặc không thể vượt qua?*

- Có một bộ sách mà từ lâu tôi rất muốn dịch nhưng không đủ lực để làm là bộ bảy cuốn *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust. Sau đó là *Người không tính cách* của Robert Musil, *Hành*

trình đến tận cùng đêm của Céline hoặc Ulysses của James Joyce... Bây giờ thì lực bất tòng tâm rồi, sức và trí đều đã suy mà quỹ thời gian cũng gần cạn!

- Ông nhận xét gì về những dòng chảy của văn chương thế giới qua những tác phẩm đương đại?

- Tôi vẫn nhận được những tác phẩm văn chương gây tiếng vang trên thế giới do bạn bè gửi về tặng. Theo chỗ tôi biết thì văn học đương đại của Anh và Mỹ vẫn có nhiều sức sống nhất. Văn học Pháp thì dường như đang ở trong một giai đoạn ngưng trệ, ít có những tác giả lớn và đột phá như Albert Camus hay Claude Simon trước đây. Trung Quốc và Nhật cũng nổi lên nhiều tác giả hay.

- Ông vừa hoàn thành bản dịch “Mặt trời nhà Scorta” của Laurent Gáude, một tác giả đương đại Pháp, và sắp tới là một tác phẩm của Haruki Murakami, một tên tuổi lớn của văn học đương đại Nhật. Ông nói gì về hai “thách thức” này?

- Mặt trời nhà Scorta chưa hẳn là xuất sắc dù tôi khá thích về mặt ngôn ngữ. Còn Murakami là một tác giả tôi thích từ lâu, kể từ hồi đọc *Rừng Nauy*. Theo tôi, đây là một tên tuổi đáng kể của văn chương Nhật đương đại, có sức ảnh hưởng đến văn chương thế giới vì ông rất giỏi trong việc nắm bắt tâm lý thời đại. Sau chuyến đi châu Âu về tôi sẽ bắt tay dịch tác phẩm mới nhất của Murakami - *Kafka trên bờ biển*.

- Trong chuyến đi này, ông dự định làm những gì?

- Đây là một “cua” học bổng lưu trú dành cho dịch giả nước ngoài nên tôi rất tự do, không bị lệ thuộc vào các cuộc hội thảo hay tọa đàm. Tôi dự định sang Pháp, Italy, Tây Ban Nha, Hà Lan và tất nhiên là phải sang Đức để hưởng một chút không khí và xem trực tiếp vài trận bóng đá của những đội tuyển mà tôi rất mê tại Cúp thế giới lần này.

Còn tác giả mà tôi muốn gặp là Linda Lê, một nhà văn người Pháp gốc Việt được đánh giá rất cao trên văn đàn Pháp đương đại. Tôi đã đọc vài tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của Linda Lê như *Phúc âm của tội ác*, *Vu khống* và một số vở kịch. Tôi rất thích lời tự bạch nổi tiếng của Linda Lê: “Viết bằng một thứ tiếng không phải ngôn ngữ mẹ đẻ của mình thì khác nào làm tình với xác chết”.

- Sau khi VN ký công ước Berne, việc mua bản quyền các tác phẩm văn chương nổi tiếng nước ngoài không khó như người ta tưởng và giá thành cũng không quá đắt. Nhưng văn học dịch lại rơi vào một bế tắc khác là số lượng dịch giả quá ít, và dịch giả có tài thì lại càng hiếm. Là người trong cuộc, ông có những trăn trở gì?

- Đúng là hiện nay nhiều nhà xuất bản hoặc công ty sách tư nhân có thể mua bản quyền dịch những tác phẩm hay nhất, nổi tiếng nhất của các tác giả thành danh trên thế giới không khó khăn lắm. Như NXB Văn hóa Thông tin mua trọn bộ bốn tác phẩm của Dan Brown. Công ty sách Nhã Nam cũng mua được một số tác phẩm nổi tiếng đoạt giải Booker (Anh) hay Goncourt (Pháp) trong vài năm gần đây hoặc những tác phẩm của Murakami, Laurent Gáude, Thiết Ngưng...

Nhưng hình như vấn đề chung cho tất cả là việc tìm những dịch giả có uy tín để chuyển ngữ. Đội ngũ dịch giả có chất lượng hiện nay rất hiếm và thua sút nhiều so với thời trước. Trong nhiều năm trở lại đây, tôi chỉ thấy nổi lên vài cái tên đáng chú ý như Trịnh Lữ của dòng văn học tiếng Anh và Trần Đình Hiến của dòng văn học tiếng Hoa mà họ cũng đã ở tuổi lục - thất thập rồi. Trẻ hơn thì cũng chỉ có Cao Việt Dũng hay Trần Tiến Cao Đăng là hứa hẹn...

Vì vậy chuyện cần kíp bây giờ để có được một dòng văn học dịch lành mạnh và có nền móng lâu dài là phải đào tạo một đội ngũ dịch thuật đến nơi đến chốn về mặt trình độ. Tôi nghĩ muốn trở thành dịch giả giỏi thì việc đầu tiên là phải yêu tác phẩm mình dịch, yêu công việc chuyển ngữ của mình và không ngừng trau dồi “văn đức” (lương tâm người dịch).

- Theo dõi đời sống văn học trẻ trong nước vài năm qua, đặc biệt là những hiện tượng nổi lên gần đây, ông có nhận xét gì?

- Tôi luôn tin vào tiềm năng của lớp trẻ. Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Thúy Hằng, Đỗ Hoàng Diệu là những cái tên đáng chú ý. Nguyễn Ngọc Tư cho đến *Cánh đồng bất tận* đã khẳng định là tác

giả có một vùng văn cho riêng mình. Trước *Cánh đồng bất tận*, theo tôi, chưa có một tác phẩm nào nói đến sự phi nhân hóa con người mãnh liệt đến thế.

Bộ ba tác phẩm của Nguyễn Thúy Hằng - *Thời hôm nay*, *Khoái cảm* và *Điên rồ hợp lý* - là một cố gắng đề xuất một cách đọc mới với một lớp độc giả mới. Chất đương đại ở Nguyễn Thúy Hằng thể hiện rất rõ. Đỗ Hoàng Diệu bút lực chưa đều tay nhưng cũng là một tác giả đáng để ta chờ đợi.

- *Vậy còn những gương mặt như Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Bình Phương, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh...*, ông nghĩ sao khi sức bền những cây bút trẻ của chúng ta thường rất ngắn?

- Trường hợp của Phan Thị Vàng Anh chưa thể gọi là dừng được. Tôi luôn tin là ở Vàng Anh vẫn tiềm ẩn một sức mạnh nội tại. Tôi đùa là Vàng Anh đang “ngấu” một cái gì đó. Trong lớp văn chương trẻ của hơn 10 năm qua, tôi luôn tin ở Nguyễn Bình Phương, cả văn lẫn thơ. Phương có “phông” văn hóa và nội lực mạnh. Tôi cũng rất quý cái tính lầm lũi sáng tác của anh.

Còn Phan Huyền Thư và Vi Thùy Linh, hai cây bút thơ từng là hiện tượng vài năm trước, tôi thấy cả hai tập mới của họ đều đuối, thua những tác phẩm trước. Linh viết như “tháo cồng”, không biết tự tình lọc mình. Còn tập *Rõng ngực* của Phan Huyền Thư thì cảm xúc nghèo và cưỡng mình về mặt ngôn ngữ nên gây cảm giác thiếu tự nhiên.

Tôi luôn nghĩ các cây bút trẻ phải khẳng định mình bằng tác phẩm, bằng sức bền, nhưng trong cơn sáng tác có đôi khi cũng nên dừng lại để nhìn lại mình...

Khi Dương Tường dịch tiểu thuyết Đặng Thái Huyền

Trong hai năm liên tiếp, với hai tác phẩm văn học dịch Con đường xứ Flandres (Claude Simon) và Cái trống thiếc (Gunter Grass), dịch giả Dương Tường đã nhận giải thưởng dịch thuật của Hội Nhà văn VN (năm 2002) và sau đó là giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội (năm 2003).

Ở tuổi 72, dù trên quảng trán nếp nhăn cứ ngày một đan dày nhưng Dương Tường vẫn hăng say dịch thuật như cây bút không ngừng viết đến giọt mực cuối cùng, như ngọn đèn muốn cháy đến cạn dầu mới chịu tắt...

Dương Tường là một trí thức đa tài. Dường như ông muốn ôm mọi “ngành chướng” vào mình: không chỉ là một dịch giả, ông còn viết phê bình văn học, phê bình mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu... và cả làm thơ.

Nhưng Dương Tường trên hết vẫn là một dịch giả có uy tín lớn và với vai trò này không thể không nhắc tới những tác phẩm kinh điển của nền văn học thế giới đã được ông chuyển ngữ thành công sang tiếng Việt: Cuốn theo chiều gió (M.Mitchell), Đồi gió hú (E.Bronte), Anna Karenina (L.Tolstoi - dịch cùng Nhị Ca), Người dưng (A.Camus), Con đĩ biết lễ nghĩa (J.P.Satre), Othello, Đêm thứ 12 có gì mà rộn (kịch của W. Shakespeare)...

Hơn 40 năm gắn với công việc dịch thuật, ông đã chuyển ngữ hơn 50 tác phẩm văn học của những nhà văn tiêu biểu thuộc nhiều quốc gia như Liên Xô (cũ), Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Áo, Hi Lạp, Nhật Bản, Nam Phi, Brazil... và dịch chủ yếu từ bản tiếng Anh, tiếng Pháp sang tiếng Việt.

40 năm là trọn một thời tuổi trẻ, tính ra cứ mỗi năm ông dịch xong một cuốn tiểu thuyết, công việc thật chẳng dễ dàng gì. Có thể nói ông đã có đóng góp không nhỏ cho nền văn học dịch VN, góp sức bắc nhịp cầu văn chương thế giới đến với người đọc trong nước.

Tự học

Điều đáng ngạc nhiên là Dương Tường đã tự học ngoại ngữ. Đang học dở lớp đệ tứ (lớp 9) thì cuộc cách mạng dân tộc diễn ra, thế là cậu học sinh Trần Dương Tường 14 tuổi đã rời trường lớp, bạn bè đi theo cách mạng mà trong lòng không nguôi niềm mơ ước được học sâu tiếng Pháp. Trên khắp nẻo đường chinh chiến, lúc nào trong chiếc balô của Dương Tường cũng có một cuốn từ điển tiếng Pháp.

Ông vẫn muốn hoàn thiện vốn tiếng Pháp khi ấy mới chỉ đạt đến trình độ giao tiếp. Đêm đêm, khi mặt trận ngưng tiếng súng, ngay cả giữa rừng già đầy sương lạnh và muỗi độc, ông cũng chong đèn ngồi tranh thủ học tiếng Pháp. Dương Tường kể lần nào đơn vị có dự định đánh đồn Tây ông cũng đi vì sẽ có cơ hội để “săn chiến lợi phẩm” là vài quyển sách hay báo chí bằng tiếng Pháp.

Một cựu chiến binh cùng đơn vị với Dương Tường đến nay vẫn còn nhắc kỷ niệm khi đánh chiếm đồn Hói Đào (Nam Định). Trong khi bạn bè say sưa với đồng súng ống, lựu đạn... chiếm được thì một mình Dương Tường mê mải lục tìm trong đồng đồ đạc của giặc ít sách tiếng Pháp. Lần đó Dương Tường đã tìm được cuốn Phía Tây không có gì lạ của Remarque mà sau này được dịch thành sách rất đắt giá.

Khi hòa bình lập lại ông trở về Hà Nội, tiếp tục nuôi ý chí học ngoại ngữ để dịch sách nước ngoài. Cũng vẫn hoàn toàn tự học, tự mày mò bằng cách miệt mài lên Thư viện quốc gia, ông không chỉ học thông thạo tiếng Pháp mà thêm cả tiếng Anh: “Trường học của tôi là thư viện”. Đến bây giờ ông vẫn mê lên thư viện. Có khi đọc quên về nhà! Bạn bè tìm đến nhà, vợ ông cũng... chỉ lên thư viện!

Dương Tường kể ông dịch Cái trống thiếc từ bản tiếng Anh, có tham khảo thêm bản tiếng Pháp. Để tác phẩm này đến được tay độc giả Việt, ông đã làm việc “khổ sai” hơn một năm trời để dịch. Hai tháng cuối cùng gấp rút hoàn thành cuốn sách, ông tự bỏ tiền túi lên trại sáng tác Đại Lải, rồi trại Tam Đảo thuê phòng, ngồi rịt trong phòng quên mưa mặc nắng để dịch. Khi sách in ra, ông được nhận nhuận bút 7 triệu đồng, không đủ mua sách tặng bạn bè. Có bạn đến chơi, vợ ông lại phải chạy ra hiệu sách gần đấy mua thêm vài cuốn để tặng.

Một dịch giả kỹ tính

Năm 1961, Dương Tường bắt đầu dịch tác phẩm đầu tiên là vở kịch Hải âu của văn hào Nga Chekhov. Vừa chấp chững dịch ông đã chọn ngay tác phẩm khó của một tác gia nổi tiếng khiến nhiều người bảo ông “liều”. Thật ra Dương Tường không hề liều: trước khi dịch ông đã chuẩn bị vốn văn hóa đọc khá dày. Và bản dịch Hải âu thành công ngay lập tức.

Trước khi dịch tác phẩm nào ông cũng đều kỳ công tham khảo, tìm hiểu rõ về tác giả, tác phẩm và điều đó trở thành nguyên tắc làm việc. Ông đọc hàng chục tác phẩm của một tác giả rồi mới chọn ra tác phẩm tiêu biểu để dịch, bởi ông quan niệm làm vậy mới đem lại lợi ích thiết thực cho văn học nước nhà. Ông không bao giờ đuổi theo tác phẩm đang được coi là bestseller, gây xôn xao nhờ chiến dịch quảng cáo mà ông chưa có sự thẩm định đáng tin cậy hoặc tác phẩm đó không tiêu biểu cho nền văn học bản xứ cũng như của chính tác giả đó.

Đối với Dương Tường, người dịch là đồng tác giả. “Dịch văn học là “tái tạo” nguyên tác và người dịch phải làm bổn phận “tái tạo” ấy như một nghệ sĩ đầy cá tính. Sự trung thành với nguyên tác không hề loại trừ cá tính mà vẫn để một lề rộng cho sự phát huy sáng tạo, nhằm đạt tới cuộc “hôn phối hài hòa” giữa nguyên tác và cá tính người dịch, một “hôn phối mỹ học” giữa tác giả và dịch giả”- ông nói. Chính bởi những điều ấy, những đoạn khó hiểu ông sẵn sàng bỏ

cả tuần lễ lên thư viện để tra cứu, nghĩ cách dịch cho thỏa đáng.

Nhiều người nhận xét: đọc văn dịch của Dương Tường như được ăn một bữa cỗ đã chuẩn bị quá công phu, không hề có hạt sạn.

Tiểu thuyết *Cái trống thiếc* của nhà văn Đức Gunter Grass viết cách đây hơn 50 năm là một trong những tác phẩm dịch tâm đắc nhất của Dương Tường, cũng là tác phẩm dịch nhận được rất nhiều lời khen. Đại sứ quán Đức tại VN rất hài lòng về thành công của bản dịch này. Theo họ, đây là tác phẩm xuất sắc và “khó tiếp nhận” ngay cả với nhiều người Đức cũng như người Pháp (vốn được coi là có “phông” văn hóa sâu rộng); buộc người dịch không chỉ có tài mà phải có tâm, chịu đầu tư thời gian và công sức.

Ớp-đét

Tặng PT- CD

“Cái tay Pinter này hóm thật,” lão tằm tìm cười một mình. Tình nguyện làm “văn nô” viết thuê cho George Bush. Sau khi đã mô tả ông này như một tội phạm chiến tranh quốc tế. Lão lim dim mắt thử hình dung đương kim tổng thống Mĩ trên tivi, tóc chải chẵn chu, vẻ nghiêm trang (bao giờ ông ta chải nghiêm trang), cổ làm ra vẻ duyên dáng bằng một nụ cười gượng gạo, trịnh trọng đọc trước quốc dân bài diễn từ do Harold Pinter soạn thảo :

... Chúa là tốt. Chúa là vĩ đại. Chúa tốt. Chúa của tôi tốt Chúa của Bin Laden xấu. Chúa của hần là một vị Chúa xấu. Chúa của Saddam xấu, có điều hần không có Chúa. Hần là một tên man rợ. Chúng ta không phải là những kẻ man rợ. Chúng ta không chặt đầu người. Chúng ta tin ở tự do. Chúa cũng vậy. Tôi không phải là một tên man rợ. Tôi là lãnh tụ được bầu một cách dân chủ của một nền dân chủ yêu tự do. Chúng ta là một xã hội đầy tình thương xót. Chúng ta dùng phương pháp hành quyết đầy tình thương xót là ghế điện và chích thuốc độc. Chúng ta là một quốc gia vĩ đại. Tôi không phải là một kẻ độc tài. Hần là kẻ độc tài. Tôi không phải là kẻ man rợ. Hần là kẻ man rợ. Và hần nữa. Tất cả bọn họ là đồ man rợ. Tôi có quyền uy đạo đức. Các người có thấy nắm đấm này không ? Đó là quyền uy đạo đức của tôi. Và các người đừng có quên điều đó. ...

Lão lật trở lại mấy trang trước : cái đoạn Pinter mắng thủ tướng đương nhiệm nước mình cứ cun cút theo đuôi Mĩ, còn khoái hơn nữa : “... Vì Mĩ đã nói : phê phán hành xử của chúng ta ở Vịnh Guantamo là một hành động không thân thiện... Thế là Blair im thin thít... Phải giết bao nhiêu người mới được mô tả như là tên giết người hàng loạt và tội phạm chiến tranh. Một trăm nghìn ? Tôi nghĩ chừng nấy là thừa đủ. Vậy là Bush và Blair đủ tiêu chuẩn để được gọi ra hầu Tòa án tội phạm quốc tế rồi... Nhưng Bush là người láu cá : ông ta đã không phê chuẩn Tòa án tội phạm quốc tế... Còn Blair thì đã phê chuẩn Tòa án này và do vậy, có thể đưa ra xét xử. Chúng ta có thể cho Tòa án biết địa chỉ của ông ta nếu như Tòa muốn biết. Đó là số 10 phố Downing, Luân Đôn...”

Một tiếng thỏ thẻ bên tai, khiến lão chợt nhớ ra mình đang ở đâu.

- Anh đọc gì mà say sưa thế ? Không thư giãn một chút ?

Ờ, đây là cửa hiệu Gọi Đầu Thư Giãn, bước 2 của chương trình Ớp-đét hôm nay mà lão là đối tượng chính. Bọn nó đã lên kế hoạch này từ lâu và bữa nay, nhân dịp Noel, nhất quyết phải thực hiện bằng mọi giá. Phải Ớp-đét ông già. Lôi ông ra khỏi đồng sách của ông. Cho ông hớp vài hớp đời sống đương đại...

Tận mười giờ tối qua bọn nó còn gọi điện nhắc :

- “Cụ” nhớ ngày mai nhé. “Cụ” muốn làm gì thì làm trước đi, từ 5 giờ chiều trở đi là “cụ” thuộc về bọn em. Bọn em sẽ lo cho “cụ” từ a đến z. “Cụ” không thể cứ ru rú trong cái tháp ngà trí tuệ

của “cụ” thể. Đã đành là trong lĩnh vực văn hóa, “cụ” luôn cập nhật với thời đại, nhưng như thế chưa đủ, old baby ạ. Phải cập nhật cả trong đời sống nữa. Đảm bảo là sau đây, “cụ” sẽ... hồi xuân và cảm thấy một sinh khí mới. Phải, bọn em sẽ lo cho “cụ” từ a đến z.

Bọn nó là dăm gã nửa bạn nửa đàn em (bây giờ, tiếng thông dụng gọi là “đệ tử”), nửa đồng nghiệp nửa học trò, của lão. Bọn nó quý nhất ở lão cái tác phong dân chủ xuề xòa, nhất là cái ngây thơ trong sáng, điều đã mang lại cho lão cái biệt danh *Septuagenarian Baby* hay *Old Baby*. Lão quý ở bọn nó lòng yêu công việc, ham muốn khám phá, năng nổ hướng tới cái mới. Giữa họ, hình thành một tình bạn đặc biệt vượt qua cái *generation gap* thường thấy.

Tiếng thổ thề lại mơn man tai lão :

- Anh dùng tách trà nóng nhé ?... Gớm ông anh khó mời quá.

Người có cái giọng thổ thề ấy là cô gái mặc áo đồ đứng quày mà bọn nó đặt cho cái tên Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng, mượn chữ của một nhà thơ khét tiếng một thời. Lão gấp vội mấy tờ giấy nhét vào túi trong chiếc áo blouson bọn nó mới tặng để mở đầu cho chương trình ốp-đết này. Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng bưng tách trà đến, phả một mùi nước hoa rẻ tiền vào mũi lão. “Trạc tuổi con cháu ngoại mình, có khi còn nhỏ hơn,” lão nghĩ như một phản xạ tự nhiên và vội vàng xua đi cái nhận xét không đúng lúc ấy. Chiều nay, bọn nó, trước khi xuất phát, đã dặn lão : “ở những nơi bọn ta đến hôm nay, chỉ có một đại từ xưng hô duy nhất : anh. Không có bác bác chú chú gì hết nhá.” Lão lại tùm tùm cười một mình. Lần này không phải vì Harold Pinter, mà vì nhớ lại những mẫu hội thoại lọt vào tai lão lúc ngồi ở quán bia 31 Kim Mã (bước 1 của chương trình ốp-đết)... Để em choáng lại đấy rồi lượn đi cho nước nó trong... Con ét-kép chám sáu của tao chưa chỉ đã dở chứng, em ấy sặc xăng... Nghe vui thật. Theo xu thế thực dụng và đa chức năng của thời đại tiêu dùng, ngôn ngữ đường phố đã chọn cách đơn giản hóa sự phong phú đến bối rối của đại từ nhân xưng trong tiếng ta, đặc biệt là ngôi thứ ba số ít. Này nhé : Bố tao vừa cho tao con A còng. Đợt này em ấy thắng đậm... Em ấy tức là bố tao. Bố cũng em. Mẹ cũng em. Ông, bà, cô, cậu, chú, bác, anh, chị, em, con nọ con kia... em tuốt.

Bọn nó đã lục tục ra. Từ những khoang ngăn có che ri-đô dành cho công đoạn 2. Công đoạn 1 là gọi đầu theo đúng nghĩa. Công đoạn 2 là mát-xa thư giãn (theo nghĩa tùy hiểu). Sau khi gọi đầu, khách vào những khoang ngăn nói trên, tiếp tục công đoạn 2. Lão chỉ làm công đoạn 1, rồi ra ngồi hút thuốc, tranh thủ đọc nốt bài diễn từ nhận giải Nobel văn học của Harold Pinter trong khi chờ bọn nó.

Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng thì thắm điều gì vào tai một gã trong bọn nó, mắt liếc về phía lão, rồi cười rúc rích. Gã này nghiêm mặt, lừ mắt. Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng tiu nghỉu như con mèo biết lỗi.

Lão làm như không thấy gì, bình thản ra đứng trước chiếc gương lớn, giả bộ vuốt lại tóc. Cái thằng cha nhìn chiếu tướng lão trong gương, với chiếc blouson mới không đồng bộ với chiếc quần ga-bác-đin cũ mềm, với mái tóc nhôm nhوام, bạc không ra bạc, đen không ra đen, cũng chẳng ra muối tiêu, với cái miệng mặc dù đã đeo răng giả vẫn rõ ra là móm, cái thằng cha ấy nom thật lố bịch. Chả trách Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng cứ phải bụm miệng cố nhịn cười.

“*Really unupdatable*,” lão lảm bảm. Không thể چرا sùng làm ghé đượ. Cho đến nay, lão vẫn tự hào là người hiểu lớp trẻ, luôn bắt kịp đượ nhịp sống và cách suy nghĩ của họ. Lão chỉ tự huỷ hoại mình. Làm sao đũa đượ với bọn nó. Lão chợt nhớ đến nhận xét của một người bạn cũ khi họ bàn về con cái. “Người cha hiểu con cái nhất là người cha hiểu rằng mình không bao giờ có thể hiểu đượ chúng,” ông ta nói.

Phải, cái *gap* vẫn đấy...

Lão lắc mạnh đầu, xua đi những suy nghĩ không thích hợp đó và quay sang bọn nó lúc này đã ra đầy đủ :

- Nào, ta đi tiếp chứ, lão hỏi, làm ra vẻ hăm hờ. Bước 3 là gì nhỉ ?
- Karaôkê ! một gã trong bọn nó đáp.

Vẫy tay chào Rực Rỡ Mặt Trời Cách Mạng một cách sành điệu, lão hô lớn :

- Nào thì karaôkê !

Đêm Giáng sinh 2005

Dương Tường - lời xưng tội (báo Lao Động)

- Tập thơ vừa ra mắt của ông có cái tên khó hiểu: "Mea culpa và những bài khác". Người ta nói đó là bệnh "sinh ngoại". Ông nghĩ sao?

- Tên của tập thơ là Thơ Dương Tường. Mea culpa và những bài khác là đề phụ. Mea culpa, tiếng La tinh có nghĩa: "lỗi tại tôi" - một lời xưng tội.

- Trong cách tân thơ, ông có vẻ tâm đắc với cái gọi là "thi pháp âm bồi". Phải hiểu nó thế nào cho đúng?

- Nói nôm na, nó là nỗ lực khai thác một tầng khác trong vĩa âm của chữ, tìm kiếm sức gợi của âm. Nếu như ở các nhà thơ khác là mặt chữ nhìn thẳng thì ở Dương Tường là mặt chữ nhìn nghiêng và chính độ chênh của mặt chữ nhìn nghiêng ấy sẽ để ra âm bồi.

Thử nghe *Chợt thu II*: "Chiều se se hương/ Vườn se se sương/ Đường se se quạnh/ Trời se se lạnh/ Người se se buồn". Đấy nhé: Âm chính se sẽ làm nảy lên âm bồi se se, đồng thời cũng tạo ra một "trượt nghĩa" từ "se se lạnh" sang "se se lạnh".

- Phải vì thế mà một số bài thơ của ông được nhạc sĩ Phú Quang phổ nhạc, như *Tình khúc 24*, *Dương cầm lạnh*?

- Có lẽ thế. Sự đồng cảm đó đã giúp một bộ phận công chúng biết đến thơ tôi, tuy đó chỉ là những mảng rời rạc, chưa đủ vẽ nên một gương mặt nhà thơ.

Hơn 40 bài thơ lẻ cùng một "tổ khúc" 7 chương, coi như một tuyển tập sau 50 năm làm thơ - tuy còn mỏng mảnh lắm - nhưng cũng đủ làm một cái khung để tôi mắc gương mặt thơ của mình lên đó.

- Gương mặt đó hình như không lấy được cảm tình của nhà phê bình Trần Mạnh Hào. Ông nghĩ sao?

- Sách chưa ra đã ăn đòn phủ đầu. Ông Hào xưa nay vốn dị ứng với những gì ông ấy... không hiểu, nhưng đó là quyền của ông. Còn tôi, có gan "cách tân", có gan "chịu đòn".

- Từng tí mẫn ngòi dịch thơ Vi Thùy Linh ra tiếng Pháp, đó là sự đồng cảm giữa những người cùng có "máu cách tân" thơ hay còn là gì nữa?

- Thơ Vi Thùy Linh có cái vẻ mạnh mẽ của nó, song để nói là cách tân thì e là chưa. Việc tôi dịch một số bài có sức nặng của Linh cho tạp chí Europe của Pháp, là cách tôi phản ứng trước cái cảnh mấy người lớn xúm lại "đánh" một đứa trẻ con.

- Nhưng ông cũng từng bị "đánh" đấy thôi, kể cả trong dịch thuật. Hà có gì mà ông bênh cho Vi Thùy Linh?

- Chức năng tôi có thể làm tốt nhất là ... lót đường! Lót đường mà bị giẫm là chuyện bình thường, đâu chỉ có ở mỗi VN.

- Ông dường như không đủ hài lòng để tự cho mình là người may mắn?

- Trái lại, riêng việc được sống lâu hơn, được chứng kiến thời mở cửa, so với bao bạn nghề tài hoa mà đoán mệnh của mình - tôi đã cho đấy là may mắn lớn.

- Ông cảm tình con gì?

- Tôi sinh 1932, cảm tình con Khỉ. Có khi tôi giống nó ở bệnh... ưa chuyện càn.

- Một nhà thơ sống giữa một ngôi nhà đồng thời là gallery, cảm giác ấy thế nào?

- Đôi khi cũng cảm thấy quấy lên nhu cầu thể hiện mình bằng vẽ. Cũng đã có người nhầm tôi với một người con trai của ông Kim Lân. Nhưng tôi nghĩ, về tinh thần, tôi giống lão Hạc nhiều hơn giống Kim Lân.

- Lời khuyên của ông nhân năm Con Gà là gì?

- Năm Gà, ừ thì cũng nên tránh bói móc nhau đi nhỉ, làm tốt cái chức năng báo sáng thì hơn.

Tình Thủ đô

Một kiệt tác đời hồ như quên hẳn

Là do cô nhà thơ trẻ Dạ Thảo Phương tự dựng bàn sang chuyện cầu Long Biên, cái tháp Eiffel nằm ngang vắt qua sông Hồng ấy. Ấy thế là quấy lên từ sâu thẳm ký ức tôi những câu đầy hào khí: “*Qua cầu Long Biên/ Sông bóng người đi/ Vai cao rộng/ Mạc núi rừng Việt Bắc...*” trong bài thơ “Tình Thủ đô” của Hữu Loan.

Bài thơ mà cách đây nửa thế kỷ, bọn tôi, mấy gã lính văn nghệ tuổi ngoài hai mươi, thường say sưa cùng nhau tấu lên giữa rừng sâu Việt Bắc hay Trung Thượng Lào mà nước mắt giàn giụa. Tôi bảo Thảo Phương: “Có một bài thơ về Hà Nội kháng chiến mà chú coi là một kiệt tác bị lãng quên, nghĩa là chưa từng được đưa vào bất cứ tuyển tập thơ Việt Nam nào từ trước tới nay. Cháu có muốn nghe không?” và tôi cao hứng đọc luôn. Nhưng đến câu: “*Đoàn Giải phóng quân đi/ Như gại dao trên đường nhựa...*” thì tôi bỗng khựng lại, không sao nhớ tiếp được. “Chao, trí nhớ suy yếu cùng với tuổi già dạo này luôn chơi mình những vớ thật khăm!” - tôi bực bội nghĩ thầm.

Đêm ấy, tôi trần trọc mãi, đào bới ký ức, và nhớ thêm được nhiều đoạn khác nhưng vẫn không nói lại được mạch ở chỗ bị khựng lại lúc chiều. Ngày xưa, bọn tôi – Tất Vinh, Vũ Như, Mạc Lân và tôi - thường đọc với nhau theo kiểu đồng ca hoặc “hát đuổi”, người nọ nói người kia, câu trước gọi câu tiếp theo... Giá lúc này, tụ lại cùng nhau “đồng ca hát đuổi”, chắc thế nào cũng nhớ ra hết. Tất Vinh mất đã hơn hai mươi năm, Vũ Như cũng đi từ lâu, chỉ còn Mạc Lân... Sáng sớm hôm sau, tôi gọi điện cho Mạc Lân. Từ đầu dây đàng kia, một giọng thều thào: “*Tường đấy hở? Tao mệt lắm. Mấy hôm nay ngất hoai. Tao bây giờ sống thêm ngày nào là ăn gian của trời đất ngày ấy*”. Tôi lưỡng lự một chút, e vấn đề đặt ra không đúng lúc, nhưng rồi quyết định cứ hỏi: “*Mày (bọn tôi bây giờ đều đã ngoài bảy mươi, thậm chí ngót tám mươi, nhưng vẫn không thể nào thay đổi cách xưng hô mày - tao thuở xưa) còn nhớ bài “Tình Thủ đô” của Hữu Loan không?*” – “*Nhớ chứ, sao lại không!*” Giọng nói ở đầu dây đàng kia bỗng trở nên tỉnh táo, linh hoạt. Và Lân đọc luôn trong máy: “*Trên những chuyến xe bò/ Đi về đường Chèm - Vẽ...*”. Lân đọc mỗi lúc một bốc, ờ, vẫn cái giọng sang sảng ngày xưa. Thế là chúng tôi lại “hát đuổi” với nhau một lúc, trước khi tôi hẹn vào thăm Lân ngay trong buổi sáng hôm ấy để chụm đầu với nhau ôn lại từng khổ, từng câu cho đến hết bài.

Thật cảm động và kỳ diệu đến mức khó tin, lòng yêu thơ, như một thứ thần dược, đã làm cho Mạc Lân như khoẻ hẳn lên. Mạc Lân, một người với cả nửa tá bệnh hiểm nghèo đóng trụ sở thường trực trong phủ tạng - tim, gan, thận, phổi, thần kinh...- suốt hơn hai mươi năm nay chống chọi với cái chết luôn rình rập, tháng nào cũng dăm bảy lần ngất, có đợt trên 20 lần một tháng. Nhưng lúc này, anh như một người khác. Giọng vang vang, mắt anh long lanh như mỗi

lần nhắc đến những bài thơ và người thơ anh yêu. “Không thể để một bài thơ như thế này mất đi”, chúng tôi bảo nhau thế. Mấy ngày liền, tôi đi xe ôm vào Cầu Giấy làm việc với Lân. Có đêm, rất khuya rồi Lân còn gọi điện ra: anh vừa nhớ ra cái đoạn mà hồi chiều chúng tôi bị vấp và chững lại.

Cuối cùng, chúng tôi cũng hoàn tất công việc “phục chế” bài thơ.

Được viết vào đầu những năm 50 của thế kỷ trước – chắc chắn là sau chiến dịch biên giới (1950) và trước chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) - với một xu hướng cách tân rõ rệt, trường ca *Tình Thủ đô* là một trong số những bài thơ tự do hiếm hoi trong Kháng chiến chống Pháp thoát hẳn khỏi ảnh hưởng của dòng Thơ mới (1939 - 1945). Tiết tấu hoạt, gân guốc, câu ngắn (thường chỉ hai, ba âm tiết), sắc gọn như mũi chông, hình tượng bất ngờ cắm phập vào cảm quan: “*Đoàn Giải phóng quân đi/ Như gặt dao trên đường nhựa... Nắng loá tường vôi/ Chữ cào xương nhức nhối...*”, những điểm chấm phá gợi cảm như tranh Seurat: “*Mắt em biếc/ Một chiều xưa/ Quan Thánh/ Cổ Ngư/ Bạch Mai/ Bóng liễu/ Tháp Rùa...*”. Ngoài giá trị nghệ thuật cao – chuyện này còn phải bàn dài dài khi có dịp - bài thơ còn đặc biệt thân thiết với thế hệ chúng tôi bởi lẽ nói cách nào đó, nó là một phần của cái quá khứ mà bọn tôi vẫn coi là thời hoàng kim của cách mạng. Cùng với những câu thơ, khổ thơ được hồi nhớ, những kỷ niệm cũng trĩu dậy, chúng tôi như sống lại cả một thuở xa xưa. Bài thơ gắn liền với tuổi trẻ của chúng tôi, những gã trai Hà Nội đã bỏ lại “*cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng*” (Ngày về - Chính Hữu) để theo ông Hồ đi kháng chiến chống Pháp. Bởi thế, hơn nửa thế kỷ đã trôi qua mà nó vẫn sống trong lòng bọn tôi, từng câu từng chữ vẫn tươi sắc hồng cầu trong huyết quản - ký ức bọn tôi. Nói cách khác, nó đã thành một mảnh hồn của chúng tôi.

Nghĩ rằng thế hệ trẻ hiện nay, dù không từng sống “*những ngày thủ đô/ như ọc máu triền miên*” ấy, vẫn có thể cảm nhận ở những mức độ khác nhau những gì được chuyển tải trong “*Tình Thủ đô*”, chúng tôi quyết tâm ghi lại để chừa dịp công bố rộng rãi. Tôi những muốn nhân dịp này vào Thanh Hoá thăm anh Hữu Loan để anh duyệt lại bản ghi cho thật chính xác trước khi công bố, nhưng thật tiếc là không có điều kiện. Với lại, dạo xưa, tuy rất quý mến anh nhưng tôi không có dịp gần anh nhiều, chỉ đôi lần trò chuyện sơ sơ, chẳng biết anh có còn nhớ tôi không. Dù sao nếu bản ghi này tới được anh, cũng mong anh bổ chính cho những chỗ còn sót hoặc chưa chính xác, và nhất là, nhận ở đây tấm lòng của những kẻ đã suốt nửa thế kỷ mang trong tim mình bài thơ của anh mà đời hồ như đã quên hẳn.

Nguồn: Trong tập *Chỉ tại con chích choè*,

Tình thủ đô **Hữu Loan**

Trên những chuyến xe bò
Đi về đường Trèm Vẽ
Việt Bắc âm u
Đường dài Thanh Nghệ
Người Thủ đô tân cư
Đoàn xe đi
Chở nặng tâm tư
Một góc nhà
Một hè phố
Mắt em biếc
Một chiều xưa
Quan Thánh

Cổ Ngự
Bạch Mai
Bóng liễu Tháp Rùa
Một thằng bạn
Một thằng con
ở lại

*

Khấp khểnh xe đi
Vấp vào đêm tối
Thủ đô
Ngày mùa thu
Thủ đô
Cờ bốc lửa
phố dài
Cờ bốc lửa
công trường Nhà Hát lớn.

Thủ đô
Ngày Tổng Khởi Nghĩa
Ngày Thủ đô chờ đón
Đoàn Giải phóng quân về
Qua cầu Long Biên
Sông bóng người đi
Vai cao rộng
Mặt núi rừng Việt Bắc
Ai về Thủ đô
Khăn thấm nước mắt
Quốc ca mình
Đoàn lính Việt đầu tiên
- Có người làng đi
Trong đoàn lính trẻ.
Thủ đô
Tuần Lễ Vàng
Hà Nội đầy dọc toà ngang
Quên giai cấp
Trong cảm thù dân tộc
Thủ đô
Ngày Tuyên Ngôn Độc Lập
Thủ đô
Ngày Tổng Tuyển Cử đầu tiên
Những ngày Thủ đô
Như ộc máu triền miên
Máu những người Tây giết
Chảy về từ lịch sử
Tiếng hát
Vùng lên
Xích xiềng rơi vỡ.
Thủ đô
Ngày Tàu trắng
Quốc dân đảng
Và thực dân
Nghênh ngang phố chật

Bắt cóc
Tống tiền
Khiêu khích
Bắn người
Đám ma đi
Cờ đồ phủ quan tài
Phố Ôn Như Hầu
Những người bị giết
Xác quăng đầy hố
Đoàn Giải phóng quân đi
Như gậy dao trên đường nhựa.
Thủ đô
Quân lệnh đêm
Lựu đạn đen ngòm trong nắm tay
Rình sau mái ngói
Nắng loé tường vôi
Chữ cào xương nhức nhối:
Thanh niên sống chết với Thủ đô
Mắt em thiếu nhi
Hồ trắng Trung Thu:
Các anh hãy giữ non sông
Cho chúng em!
Bàn tay lớn
Nhận lòng tin bé nhỏ.
Cụ Hồ hỏi anh em bộ đội:
– Các chú liệu giữ được Thủ đô
Bấy ngày?
Một rừng nắm tay
Thét tiếng:
– Thề với Bác!
*
Lửa cháy Thủ đô
Chân trời hấp hối
Xác thằng bạn
Xác thằng con
Trên hè phố Thủ đô
Giặc khởi hấn rồi!
Đường tản cư khuya
Lửa toé sắt bánh xe bò
Một Quyết tử quân hy sinh
Là một đoàn giặc chết
Một Quyết tử quân hy sinh
Và bắt đầu từ đó
Những ngày đêm Thủ đô
Tàn sát
Khu Đồng Xuân
Lính Trung đoàn Thủ Đô
Đâm giặc trên bàn thị
Như chọc tiết bò
Đuổi giặc
Vật lăn trên nóc chợ

Hai tháng giết nhau
Một đêm thủ đô
Có đoàn Quyết tử
Cắt máu tay ăn thề
Ngõ vắng Thủ đô
Những đơn vị rút đi
Góc phố Thủ đô
Bóng những người ở lại
ánh hoàng hôn lên
Liệt tròn huyết thệ
Người Quyết tử quân
cuối cùng.

*

Những người dân Thủ đô
Về với giặc ở chung
Phải đốt cờ đỏ sao vàng
Thức đêm may cờ ba sắc
Và những sớm mai
Tay xót xa
Đem treo cờ giặc trước nhà
Ai về Hà Nội
Thấy Hà Nội xa hoa
Thấy hà-nội hơn Hà Nội trước
Nhưng Hà Nội
Giặc xây thêm ngục tù
Xe Phòng Nhì
Chở từ ngoại ô
Từng đoàn người xiềng tay
Về qua phố tối.
Ai về Hà Nội
Thấy Hà Nội xa hoa
Thấy hà-nội hơn Hà Nội trước
Nhưng Hà Nội Ngã-Tur-Sờ
Hà Nội Khâm-Thiên
Đèn khuya cháy vàng
Những hộp đêm
Mọc theo tiếng giày đinh
Của đoàn Tây mã đỏ
Tiếng xe tăng viễn chinh
Chiều đi bụi phố
Và giữa trưa Hà Nội yên lành
Hồi còi rú thất thanh
Kêu như người tắc họng
Một xác Việt gian
Ngã tư
nặng đọng
Lũ lượt kéo nhau về Hà Nội
Từng đoàn thiêu thân
Mang trong mình định mệnh
Mủ dờm nhót lạnh
Và uế khí hôi tanh

Sợ ánh sáng và gió lành
Tôi thành thép
Cánh tay người Kháng Chiến
Từ vùng tự do
Có người vào nội thành
Ném chứng thư Việt Minh
Trên dòng sông
Chào thẳng bạn chiến khu
Mà phục tằm lòng.
Đêm Thủ đô
Rét đến
Trong chăn bông
Nghe lạnh chiến khu Vũ
Cơm gia đình
Đũa bát nhớ người đi.
Và những sớm mai
Từng đoàn phi cơ giặc
Chở tóc tang đầy trong thân sắt
Ra những miền quê xanh
Tiếng bom dội về
Chuyển Hà Nội mệnh mông
Tìm người Hà Nội
Rung lên như đất chuyển
– Những người Thủ đô tản cư
– Những đồng bào kháng chiến.
Những em mùa thu
Đi trong đoàn thiếu nhi
Lớn lên
Tìm đường chiến khu Việt Bắc.
Những người ngày xưa
Ghét Việt Minh
Bắt đầu chờ đợi
Bao giờ Việt Minh
Mới đánh vào Hà Nội
Cho ánh sáng xa hoa
Vỡ rơi thành bóng tối
Trên xác người máu me
Ngổn ngang gạch ngói?
Đến bao giờ Việt Minh
Mới đánh vào Hà Nội?
Những người bắt sống Le Page
và Charton
Những chiến sĩ Cao Bằng - Đông Khê
Những binh đoàn biên giới
Đang chuyển về Trung Du
Như đi từng dãy núi
Kẹp vòng quanh ngoại vi Thủ đô.
Mắt vời xa
Cô gái Hà Nội tản cư
Đẹp trong màu áo vải quê mùa
Sẽ còn những ai

*Trong đoàn quân trở lại
Ngày thủ đô chiến thắng tung bừng?*

*

*Em về Thủ đô
Chân phố cũ
Ngập ngừng*

Khoảng cuối 1950 - đầu 1951

(Dương Tường & Mạc Lân ghi lại theo trí nhớ. Tác giả Hữu Loan đã xem lại)



Dịch giả Dương Tường được tặng huân chương "Officier des Arts et des Lettres" Vũ Thanh Nhàn

Ngày 16-01-2009, nhà thơ-dịch giả Dương Tường được Chính phủ Pháp trao tặng huân chương Officier des Arts et des Lettres (Huân chương Văn học Nghệ thuật).

Đây là huân chương hạng 2 trong ba hạng: Commandeur, Officier, Chevalier. Năm 2007, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cũng từng được nhận huân chương hạng ba Chevalier des Arts et des Lettres cho sự nghiệp văn học của mình.

Nói về niềm vui này, nhà thơ-dịch giả Dương Tường chia sẻ: "Tôi vui mừng và xúc động vì năm mới mở đầu với tôi bằng việc đón nhận vinh dự này. Không giả đò khiêm tốn, tôi nghĩ mình xứng đáng với phần thưởng. Từ thiếu thời tôi đã được nuôi dưỡng bởi văn hoá Pháp và điều đó giống như một động lực thúc đẩy tôi cống hiến cho sự phát triển văn hóa nước nhà. Đây là tin vui của năm mới với tôi, nhưng tôi không quên công việc của mình: với tôi, bây giờ dừng làm việc là chết. Hiện nay, tôi đang cố dịch xong cuốn tiểu thuyết Mort à crédit (mà tôi dịch là Chết chịu) của nhà văn Pháp Céline để xuất bản vào tháng 5 này."

Được biết Commandeur, Officier, Chevalier là Huân chương do Chính phủ Pháp trao tặng. Giải thưởng cao quý này được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Pháp lập nên vào tháng 5 năm 1957. Huân chương này vinh danh những người có những cống hiến đặc biệt đối với nghệ thuật, văn chương, âm nhạc điện ảnh...

Dịch giả Dương Tường tên đầy đủ là Trần Dương Tường, sinh năm 1932 tại Nam Định. Ông là bộ đội thời chống Pháp 1950-1955. Ông đã dịch trên 50 tác phẩm của Pháp, Nga, Anh, Mỹ, Đức, Hy Lạp, Brazil, Nhật Bản, Na Uy... Có thể kể: Anna Karenina (L.Tolstoy), Cuốn theo chiều gió (M.Mitchell), Người dưng (A.Camus), Con đĩ biết lễ nghĩa (J.P.Sartre), Con đường xứ Flandres (Cl.Simon), Đồi gió hú (E.Bronte), Alexis Zorba (N.Kazantzaki), Bức thư của người đàn bà không quen (S.Zweig), Cái trống thiếc (G.Grass), nhiều vở kịch của Shakespeare... Về sáng tác, ông đã in: 36 bài tình (thơ - in chung với Lê Đạt), Đàn (thơ ngoài lời), Mea culpa và

những bài khác (thơ), Chỉ tại con chích chòe (tạp luận), Thuyền trưởng (truyện ký, dưới bút danh Nguyễn Trinh)...

80 tuổi đời và gần 60 năm làm nghề dịch thuật văn học Anh, Pháp, Nga... nhưng dường như trong số ấy, Văn học Pháp vẫn luôn nhận được sự ưu ái riêng của dịch giả Dương Tường.



Năm 14 tuổi Dương Tường theo cách mạng. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, bao giờ trong balô của Ông cũng có từ điển tiếng Pháp và tiếng Anh.

Hồi ấy, khi hạ đồn địch nào, trong khi anh em đi thu chiến lợi phẩm thì Dương Tường đi tìm sách. Ông coi sách là chiến lợi phẩm của riêng mình. Khi hoà bình, Ông rời quân ngũ về làm việc tại thông tấn xã Việt nam, ở môi trường mới này, Ông lại tiếp tục tự học ngoại ngữ. trường của ông là phòng đọc của Thư viện Quốc gia, Thư viện Thông tin... Nên có thể nói "Trường Đại học" của Dương Tường chính là thư viện. Ông học miệt mài, cần mẫn, nhặt nhạnh từng "chữ" như người ta đi mót lúa vậy.

Dương Tường bắt đầu dịch tác phẩm đầu tay hoàn chỉnh vào năm 26 tuổi - là một tác phẩm của văn học Nga. Sau đó, Ông dịch nhiều những tác phẩm văn học Pháp. Ông mày mò đọc những tác phẩm kinh điển của Pháp như của Vichito Huygo, Banzac, Rút xô... Và điều thúc đẩy Ông chính là lòng yêu văn chương nghệ thuật. Cả tuổi thiếu thời của Dương Tường đắm mình trong không gian Văn hoá Pháp.

Sau một thời gian dịch thuật tiếng Pháp, Ông suy ngẫm: các nền văn học khác hầu như cũng đều được dịch thông qua thứ tiếng này - Ngôn ngữ Pháp. Vì thế, qua tiếng Pháp Ông có thể biết đến văn học Mỹ, Đức, Nhật Bản... Văn học Pháp ảnh hưởng rất lớn tới văn học Việt Nam. Nếu không có văn học Pháp chúng ta sẽ không có Thơ Mới với những tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu... Nếu không có văn học Pháp thì không có Tự lực Văn đoàn. Tiếp tục, những người của thế hệ sau đều chịu ảnh hưởng văn học Pháp. Trong sự nghiệp dịch thuật của Ông, thì văn hoá Pháp cũng chiếm tới phân nửa, khoảng 20 trong số 50 tác phẩm mà Dương Tường đã dịch.

Dương Tường làm việc rất kỹ lưỡng với các sản phẩm của mình. Tất cả các tác phẩm Ông dịch thuật đều không qua người khác hiệu đính mà chính Ông đã làm thật hoàn chỉnh rồi mới giao bản dịch cho Nhà xuất bản. Có những nhà xuất bản khi biên tập có chỗ cần có ý kiến trao đổi, chỉnh sửa thì họ đều để nghị Ông sửa lại chứ họ cũng không can thiệp vào bản dịch của Ông. Dương Tường dịch theo lối "cuốn chiếu", dịch đoạn nào xong đoạn đó. Khi đặt bút chấm hết nghĩa là Ông đã hoàn thành tác phẩm.

Dương Tường
Lê Minh Hà

Gió. Nắng. Khu nhà vườn mênh mông ở Tegel chỉ thấp thoáng tiếng người sau bờ rào. Tôi ngồi trước cửa vườn anh bạn lơ mơ trong sự đợi chờ. Trời thì cao, mây trắng về đâu uể oải. Nghĩ, chỉ thiếu mỗi cái cửa hàm chữ A lúc nào cũng phả ra hơi đất lành lạnh, ngai ngái, và một tiếng máy bay tăng tốc như tiếng sét giữa trời quang nữa thì coi như sống trọn vẹn lại không khí thời đang chiến, thời bao cấp ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Cái thời mà một nhà báo kì cựu của đài tiếng nói Việt Nam sau khi đọc những trang viết của tôi về nó đã *cảm ơn em*, rồi lại bồi tiếp một cú: *nhưng mà nói thật, đọc xong, bàng hoàng, bởi vì tôi vừa yêu khoảng đời đó, gian khổ, giản dị, mà trong vắt, vừa căm thù chính cái khoảng đời đó. Nó không cho người ta sống.* Tôi đang chờ đây, buổi trưa nay, một người không được sống nhiều hơn rất nhiều người, và đã sống đẹp hơn rất nhiều người qua cái thời buổi đó.

Ông lù rù ngồi trước chúng tôi. Dáng vóc bé nhỏ quá độ. Giọng nói gần như thì thầm. Đây là phong thái của người thích ẩn mình, cũng vì đã quá nhiều người biết mình. Biết, nhưng có bao người hiểu ông, và thế hệ ông?

Tôi không nghĩ tất cả cùng ngồi đây hiểu ông. Quả khó! Làm sao giữa châu Âu này, làm sao bằng kinh nghiệm mấy chục năm xa xứ có thể hiểu được nỗi cơ cực phải nuốt vào trong của một người con, một người chồng, một người cha, một người thơ một thời bán máu để sống, để trọn vẹn nghĩa vụ trong mỗi tư cách của mình! Vẫn còn, trên đất nước ta, những mảnh đời rách nát, rút máu nuôi mồm theo nghĩa đen, thậm chí có cả những làng bán máu. Nhưng khi nghệ sĩ, người nuôi *khí* của một dân tộc phải sống còn theo kiểu này, nỗi đau khủng khiếp kiểu khác, thành nỗi thẹn. Cho ai ngày ấy? Cho ai bây giờ?

Ông không kể về những năm tháng ấy nếu không có người gặng hỏi. Có những đôi mắt lảng nhìn chỗ khác. Có những đôi môi mở hé kinh ngạc. Có cả tiếng cười vì dù sao tất cả cũng đã qua rồi. Nhưng người đàn bà ngồi bên cạnh tôi thì run:

„Chị bảo mọi người thôi đừng đòi bác kể nữa!“

„...?“

„Em biết chuyện ấy có thật. Em cũng đọc về bác nữa. Em ở Sài Gòn sau bảy năm đến tận năm chín hai mới qua đây chị à. Nhưng bây giờ thấy người đã từng sống vậy kể chuyện ngay trước mặt mình...“

Tôi không nhiễm nỗi sợ đó, nhưng lòng lại vẹn nguyên nỗi bàng hoàng cũ. Tại sao sống vậy mà con người vẫn có thể cưu mang nhau, cưu mang thơ, cưu mang khát khao về cái đẹp? Hay với typ người như ông, cái Đẹp đúng là một sự cứu rỗi! Hay làm việc mới là cứu rỗi?

Làm việc, với kiểu người như ông có nghĩa là sáng tạo.

Nếu cứ phải soi chiếu thành quả của một ai đó qua lí lịch trích ngang của họ thì khi nghe khi đọc về ông, hoặc không tin, hoặc nhất định phải tin đó là một sự kì diệu. Làm sao một người học trò không qua quá trình đào tạo trường lớp chính quy, và cái chính là làm sao một người đã chìm nổi qua bao nhiêu cay đắng như thế của một đời sống bất bình thường (không phải chỉ vì chiến tranh) mà vẫn có thể làm và đạt được nhiều đến thế trong thế giới nghệ thuật muôn đời quuyền rũ và nghiệt ngã.

Chỉ tính riêng từng mảng trong khối công việc đồ sộ ông đã làm, từ văn chương sang hội họa, từ sáng tác sang dịch thuật, với người trong nghề ở từng lĩnh vực đã là một mong ước. Nói tới hội họa Việt của hai thập kỉ về trước với những nỗ lực tìm kiếm đường đi mới qua việc tìm kiếm chính mình của một thế hệ họa sĩ trẻ giờ thành danh, định hình phong cách như Hà Trí Hiều, Đặng Xuân Hòa, Hoàng Hồng Cẩm, Hồng Việt Dũng, Lê Thiết Cương, Trương Tân, Vũ Dân Tân, không thể không ghi nhận công lao sư tầm giới thiệu ra thế giới của Dương Tường. Hơn năm mươi tác phẩm dịch, mà phần lớn lại là những tác phẩm thách thức trí tuệ con người có đủ làm vinh hạnh cho một đời dịch giả không? Thừa sức! *Con đường xứ Flandres*, *Bức thư* của người đàn bà không quen... và gần đây nhất: *Cái trống thiếc* của Guenter Grass, giải Nobel văn chương Đức, đã được ông chuyên ngữ. Những giá trị văn chương đích thực đó đã là hành trình tinh thần cần thiết của biết bao người Việt để nhìn ra thế giới, từ bóng tối đời sống một thời. Đeo đuổi từng con âm để đổi mới thơ, ngay cả khi không thành tựu, với nhiều người thế cũng đã thừa đủ để tuyên ngôn nhiều điều. Nhưng mà với ông thì đây không phải là một hành

trình vô vọng. Lầm lũi trên con đường hiện đại hóa thơ ca Việt, người thơ bé nhỏ đó tuyên ngôn độc nhất một điều: *Tôi đứng về phe nước mắt*. Tôi nghĩ bài thơ một câu (*Thơ để trên mộ chí*) đó đủ cho một hình dung về mọi tư cách nghệ sĩ của ông, trong thơ, trong văn, trong dịch thuật, trong hội họa.

Và trong tình bạn. Cái chí tình của ông trong mọi quan hệ, với những người bạn từng chung trải vui buồn cay đắng như Tất Vinh, Bùi Ngọc Tấn, Mạc Lân..., với những người trẻ tuổi đáng tuổi cháu con của ông như tôi, nghĩ cho cùng không phải là cái chí tình thường, mà là cái chí tình chỉ có ở nghệ sĩ lớn. Tôi vẫn có điều ân hận bao năm trước một cái tên: Tất Vinh. Ngày trước đi dạy, cùng trường với con gái ông, nghe bạn kể về người cha mất sớm, thú thực tôi chỉ biết lặng im. Tôi có biết gì về ông đâu, ngoài chuyện hai người em của ông (Tất Thắng và Tất Đạt) là hai đạo diễn sân khấu có tiếng. Tôi không biết ông đã từng đắm đuối với thơ, đã từng sống với Dương Tường, Bùi Ngọc Tấn, Vũ Huy Cường, Vũ Thư Hiên, Mạc Lân... *một thời bay bổng, một thời nhảm nhí* nói như Bùi Ngọc Tấn. Ông chết sớm, chưa đến tuổi có thể nhìn đời bằng một nụ cười như thế, lòng vẫn khao khát được bay bổng trở lại với thời mình, với thơ. Năm ngoái, về Hà Nội, bạn tôi, con gái Tất Vinh hẹn gặp để tặng tập thơ này, kỉ vật cả gia đình trân trọng, tự hào, nhưng cuối cùng tôi đã nhận từ tay Dương Tường. Không có với nhau tình đồng đội, tình bè bạn lẫn lóc bao năm, không có sự kiên tâm sâu tằm của Dương Tường, Tất Vinh đã không được sống lại đẹp đến thế và gia đình ông chắc còn nguyên hận. Mối ân tình ấy, Dương Tường còn trải ra cho bao nhiêu thế hệ nghệ sĩ về sau. Đã là một ngạc nhiên thú vị cho tôi khi nghe ông kể về tình bạn của ông với các nhà thơ trẻ. Thật quả là thứ tình điên rồ, hợp lí chỉ có ở nghệ sĩ, mượn cách dùng chữ của Nguyễn Thúy Hằng, một nhà thơ nữ trẻ vừa công bố tập thơ *Thời hôm nay – khoái cảm, điên rồ, hợp lí* và gặt hái về khá nhiều ồn ào. Hỏi, ông nhỏ nhẹ: *Hằng nó đang tìm cách tạo ra một kiểu độc giả mới, và anh ủng hộ điều đó*. Nghe, tôi hiểu vì sao các nghệ sĩ trẻ lại tìm được ở ông sự đồng cảm. Đồng cảm ở đây là cách thế tiếp nhận sự khác ở nhau. Tinh thần đa nguyên này hình như chưa từng là căn cốt đạo đức của dân mình, và chúng ta đang rất cần, dù trong nước hay ngoài nước.

Nhưng ông, trước hết và tận cùng là một nhà thơ, theo tôi. Cách thế làm việc của ông, dù chần chừ nghiêm túc bao nhiêu như trong dịch thuật, từ sâu xa vẫn là cách thế của một nhà thơ lãng đãng suốt đời, say đắm suốt đời. Nếu không phải là như thế, người ta vẫn có thể sống, bằng máu của mình, như các ông một thời, như nhiều người bây giờ vẫn thế, nhưng chắc gì tồn tại. Có rất nhiều cách thấm thấu chân lí, ngay chỉ ở một lĩnh vực là nghệ thuật, hoặc bé nhỏ hơn nữa, là thơ. Có người tốt giọng, có người thính tai. Có không gian thơ quảng trường đường lớn. Mà không gian thơ có thể chỉ đơn giản là sự trong vắt vô hình.

Chẳng biết vì thế tạng, hay vì tuổi tác, hay vì tính nết, chân lí luôn làm tôi chấn động qua những tiếng thì thầm. Có thể là tiếng của *nước chúng ta – nước những người chưa bao giờ khuất – đêm đêm rì rầm trong tiếng đất – những buổi ngày xưa vọng nói về...* (Đất nước - Nguyễn Đình Thi), mà cũng có thể chỉ thế này, dai dẳng và da diết:

... những ngón tay mưa – dương cầm trên mái...

hay nhỏ nhẹ không cùng:

Một thoáng rợn tên là heo may – một hương cây tên là kỉ niệm – một góc phố tên là hò hẹn – Một nỗi nhớ tên là không tên.

Hay đơn giản là vô ngôn.

Vì lẽ đó, viết về ông rồi, tôi lại viết về ông, một trong những đại diện xuất sắc nhất của một thế hệ nhà văn nhà thơ Việt Nam từng phải câm lặng một thời, thời đất nước đầy giông bão, xa rồi nhưng không bao giờ thật sự qua đi, dù thuộc về thế kỉ 20.

“Lạ sao chuyện mặt trời khuất”

Châu Diên

Đầu năm, đúng ngày 16 tháng 1 năm 2009, Dương Tường được mời đến sứ quán Cộng hòa Pháp tại Hà Nội để nhận “Huân chương Văn học Nghệ thuật bậc Hai”, cùng là khách mời có vợ là Nguyễn Thị Trinh, và con trai con gái con dâu con rể. Đóng bộ áo quần vào, nom Dương Tường hết một cậu học trò Hà Nội thời xưa. Chưa hết, vợ rồi con rồi cháu vẫn còn chưa yên tâm, còn sửa sang tóc tai cho. Chú học trò ngoan ngoãn để cho “người lớn” nắn nót...
... Và nếu bạn từng thấy Dương Tường hồi đã bốn năm chục tuổi đầu, thấy mẹ ăn phở cũng sà vào “em một miếng”, thì bạn sẽ hiểu “định kiến đẹp đẽ” này của tôi: suốt đời Dương Tường chỉ là đứa trẻ, lúc nào cũng ngỡ ngác như trong thơ Philippe Soupault, “*Lạ sao sự lạ trên đời / lạ sao chuyện mặt trời khuất*” (“Singulière singulière histoire / histoire du soleil couchant”).

Dương Tường, Nimes 11.2008

Hôm nay, một sự kiện xác nhận Dương Tường thành người của công chúng. Một vị trí “bổng dung” được tạo ra, không một chút cố gắng từ phía công chúng đã dành, với Dương Tường cũng vậy, hoàn toàn không có lấy một tí gì gọi là gắng sức. Bảy mươi bảy tuổi, từng đi bộ đội, rồi làm báo Thông Tấn Xã, rồi dịch cơ man tài liệu về tội ác chiến tranh Mỹ ở Việt Nam, vậy mà lại có trong hành trang chừng dăm chục tác phẩm dịch, vẫn có dăm ba tập thơ mà mỗi tập là một cách tân, “tinh cò” cũng lại có cả một tập tiểu luận văn chương nghệ thuật, chưa hết, bạn bè ới một cái là đi chơi, đang ở Hà Nội có bạn rủ vào tận Hội An họp mặt các nhà thơ trẻ cũng đi, ... lấy đâu ra năng lượng cho một con người ấy, với một quỹ thời gian hữu hạn như mọi người, vẫn làm được chừng ấy công việc? Một nhà sư phạm sẽ nói, hần lao động như con trẻ chơi nhong nhong với cây gậy, chơi ấm em với mớ giẻ bỏ đi... chơi suốt ngày không mệt, chỉ vì đứa trẻ hoạt động vô lo vô lự, làm mà như chơi, đơn giản thế thôi.

Hình như ông đại sứ cộng hòa Pháp tại Hà Nội cũng biết, long trọng đến đâu thì Dương Tường cũng chỉ có thể sống trong sự long trọng thân tình. Trước dăm chục quan khách, ông đại sứ Hervé Bolot giới thiệu người sẽ nhận huân chương, nhưng cách ông nói lại như thể đang trò chuyện cùng đương sự. “*Ông từng là dịch giả?... là nhà thơ, phóng viên? ... là nhà phê bình nghệ thuật, sân khấu, văn học, âm nhạc, điện ảnh ... ? Thành tích chủ yếu là dịch phẩm, nhưng ông đại sứ dừng lại lâu với phần Dương Tường thơ: “Ông đã công bố “36 bài thơ tình”, “Đàn – Thơ thị giác”, “Mea Culpa – xưng tội – và các bài thơ khác”...?*

Nói cho thật đúng, Dương Tường không chỉ đóng góp riêng cho sự kiến tạo chỉ một cây cầu nối hai nền văn hóa Pháp – Việt.

Hà Nội còn có Viện Goethe của Cộng hòa Liên bang Đức, cũng là một cầu nối văn hóa Đức – Việt Nam. Trong hoạt động của Viện này, khi cần tung ra cuốn sách có trọng lượng đầu tiên, người ta nghĩ đến nhà văn Đức giải Nobel Gunter Grass, và đã có ngay một *Cái trống thiếc* dịch qua tiếng Anh của Dương Tường.

Cũng ở Viện Goethe này, khi cần giới thiệu các nhà văn Việt Nam đương thời một cách có hệ thống, người ta lại mời Dương Tường mở đầu, và Dương Tường cũng chính là người đủ tư cách nhất để giới thiệu Bùi Ngọc Tấn bạn mình. Ngắn gọn súc tích như một nhà thơ – cũng chẳng “như là” gì hết, đó chính là một nhà thơ – nhà thơ Dương Tường đã giới thiệu bạn mình và đưa ra một định nghĩa không còn gì chặt lọc hơn, nhưng lại là một thứ chặt lọc của tình thơ và lý thơ:

“Người đầu tiên nhận lời tham gia sinh hoạt này là nhà văn Bùi Ngọc Tấn đến từ thành phố cảng Hải Phòng. Nếu hạnh phúc là tổng hòa của những vui sướng và đau khổ, tủi nhục và an ủi, hy vọng và tuyệt vọng, hạnh ngộ và bất hạnh, cũng như ký ức không phai nhạt về tất cả những trải nghiệm ấy, thì Bùi Ngọc Tấn có thể coi là một người hạnh phúc. Tôi thì tôi ưng gọi Bùi Ngọc Tấn là người chưng cất nổi đầu thành hy vọng.”

Hà Nội cũng có Hội đồng Anh và cũng có cơ quan văn hóa Hoa Kỳ. Thế nhưng, ngay từ ngày đầu trước khi các tổ chức này được thành lập, thì đã có một Dương Tường vô tư như một nhà thơ, lẳng lể chơi với chữ nghĩa như một bé ngoan của chữ nghĩa – nhà phê bình Đặng Tiến từ Orléans sẽ đặt tên Dương Tường là “Kẻ Chữ”, nhang nhác tiếng ta gọi “Kẻ Sĩ” – để sau này cùng nhiều dịch giả khác tạo ra một *Tuyển tập Shakespeare* cho Việt Nam, cùng với *Đồi gió hú* (của Emily Bronte, Anh), lại còn có cả *Cuốn theo chiều gió* (Margaret Mitchell, Mỹ) và *Cội rế* (của Alexx Haley, Mỹ), và để có được cả *những đêm diễn Shakespeare song ngữ* trên đất Mỹ, đó mới chỉ kể ra vài thí dụ.

Lần theo con đường đó, hẳn ta sẽ còn thấy có mặt Dương Tường trong việc dịch và giới thiệu *Alexis Zorba* (của Nikos Kazantzakis, Hy Lạp), *Đất Dữ* (của Jorge Amado, Brazil), *Anna Karenina* (của Lev Tolstoi, Nga), *Thư của người đàn bà không quen biết* (của Stefan Zweig, Áo)... Mà này, những người Hungary, những người Do Thái, những người của Loài Người, hẳn cũng phải xúc động khi đọc Dương Tường dịch Imre Kertecz nhà văn sống sót khỏi lò thiêu người và sau này được giải văn chương Nobel, được nghe những tiếng gào mà chỉ một nhà thơ sẵn lòng như một Nguyễn Du *khéo dư nước mắt khóc người đời xưa* mới cảm thông ngay lập tức bật ra những lời phẫn nộ này:

“Không!” – *tôi sẽ không bao giờ có thể là cha, là định mệnh, là thượng đế của một kẻ khác,*
“Không!” – *không bao giờ có thể để xảy đến với một đứa trẻ khác những gì đã xảy đến với tôi*
trong thời thơ ấu của tôi,
“Không!”

Đóng góp của Dương Tường như vậy là không chỉ dừng lại ở một cầu nối văn hóa Pháp – Việt Nam. Thế mà, nước Pháp lại trao tặng cho Dương Tường Huân chương Văn học Nghệ thuật bậc Hai, đó là điều ngẫm nghĩ kỹ mới thấy thật là thi vị.

Nước Pháp đã trao tặng cho Dương Tường huân chương, và trong lời đáp từ gọn nhẹ, nhà thơ Việt Nam bảy mươi bảy tuổi này, người tự biết rõ “*lý sự không phải thế mạnh của tôi*”, đã thú nhận rằng:

“*Cả đời, tôi được nuôi dưỡng bằng nền văn hóa Pháp.*”

Nền văn hóa đó đã đến với Dương Tường như thế này:

“*Ngay từ buổi thiếu thời, chính những lý tưởng tự do và dân chủ được Jean-Jacques Rousseau tuyên ngôn đã đưa tôi đến với cuộc Cách mạng Tháng tám giải phóng dân tộc tôi khỏi ách thực dân Pháp.*”

Và đúng như Dương Tường tâm sự,

“*Năm 1949, tôi đã lên đường chiến đấu chống quân xâm lược Pháp mà trong ba-lô đeo vai có cuốn từ điển ngôn ngữ Pháp cùng tập thơ “Con Tàu Say” của Arthur Rimbaud.*”

Nói đến chống Pháp giữa một buổi ăn tối long trọng của các đại sứ Pháp ngữ có mặt ở Hà Nội chứng kiến việc trao huân chương cho Dương Tường, vậy mà điều đó không hề gây sốc cho ai hết! Tám huân chương gắn cho Dương Tường hôm nay càng thể hiện cái tinh thần độ lượng và cách hành xử cao cả hết sức tiêu biểu cho nền văn hóa Pháp như thế.

Và nó cũng xác nhận cả điều này: cái tinh thần chiến đấu của một nền văn hóa Pháp hiện lành đã đưa Dương Tường đến những cuộc chiến đấu xa hơn, cao hơn, dai dẳng hơn là chỉ một cuộc chiến đấu chống xâm lăng.

Nó xác nhận rằng, việc thấm nhuần tinh thần văn hóa và ngôn ngữ Pháp đã giúp Dương Tường hiểu kỹ hơn tiếng Anh và cả tiếng mẹ đẻ của nhà thơ.

Nó xác nhận rằng, nhà trường Pháp đã trao vào tay nhà thơ Dương Tường một ngôn ngữ để chuyển những tinh hoa văn chương Pháp đến bạn đọc Việt Nam, không chỉ có vậy, tiếng Pháp còn là cầu nối giúp Dương Tường chuyển văn hóa thế giới đến bạn đọc đồng bào mình: ta chớ nên quên Dương Tường đưa tiểu thuyết Nga cũng như Brazil cũng như Hy Lạp và Áo vào Việt Nam bằng ngôn ngữ Pháp.

Nó xác nhận rằng, những hoạt động hồn nhiên, vô tư mà đầy tác dụng văn hóa trong những cuộc giao lưu mà đêm thơ - sắp đặt - trình diễn *Le soir est tout soupirs* với *Bảy mươi ba cái cối đá* là một điển hình tiêu biểu không thể nào quên cho những ai từng sinh hoạt tại trung tâm L'Espace ở Hà Nội.

Và ta sẽ hiểu vì sao trong bài diễn từ ngắn đọc trong đêm trao phần thưởng, Dương Tường đã kết thúc

"Vâng, vinh dự này cho tôi phần lớn là nhờ các nhà tư tưởng lỗi lạc của Pháp.

"Cho tôi được gửi đến các vị đó, đến nền văn hóa Pháp, tấm lòng biết ơn sâu xa của tôi".

Hà Nội, 17-01-2009

* Bài viết theo đề nghị của báo *Carnets du Việt Nam*, tác giả dịch sang tiếng Việt.

Mười năm trên giá sách văn chương Bàn tròn văn học, thực hiện với Nguyên Ngọc, Trung Trung Đĩnh và Dương Tường. Lê Hồng Lâm thực hiện

Sau giai đoạn bùng phát rất đẹp (1985 - 1991) với những tên tuổi như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh... văn chương Việt Nam bắt đầu dừng lại, lúng túng vùi dập. Không có sự kiện, không có hiện tượng mới trong văn học. Không có tác phẩm hay tác giả nào tạo nên được một hiện tượng mới. Người ta tự lập nhau và lập lại chính mình....

Nhận xét này của nhà văn Nguyên Ngọc liệu có quá bi quan về tình hình văn học Việt Nam hơn 10 năm qua? Chúng tôi (*Báo Sinh viên Việt Nam - SVVN*) đã thực hiện bàn tròn xung quanh vấn đề này với những ý kiến thẳng thắn của nhà văn Nguyên Ngọc, Trung Trung Đĩnh và nhà phê bình Dương Tường.

SVVN: *Nếu tính từ "mốc son" năm 1991, tức là sau 3 cuốn tiểu thuyết đoạt giải của Bảo Ninh (Nỗi buồn chiến tranh), Nguyễn Khắc Trường (Mảnh đất lắm người nhiều ma), Dương Hương (Bến không chồng), hơn 10 năm qua văn học Việt Nam có thêm những tác giả và tác phẩm nổi trội nào? Nếu chọn ra 5 tác giả và 5 tác phẩm tiêu biểu nhất của giai đoạn này thì đó là...*

Nhà văn Nguyên Ngọc (NN): Những năm qua, giải thưởng văn học của Hội văn trao hàng năm, nhiều cuộc thi truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ... vẫn diễn ra nhưng để tìm được những hiện tượng tiêu biểu khó lắm. Những giải thưởng văn học này hầu như không gây được tiếng vang và người ta quên ngay sau đó. Nói đến văn học Việt Nam hiện nay, vẫn không thể không nhắc lại những gương mặt đã quen biết như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh cho dù nhìn chung họ cũng đã lập lại mình. Gần đây, khi sang Hoa Kỳ tôi có tiếp xúc với Bruce Weight và Larry Heinemann, những nhà văn Mỹ rất nổi tiếng, một người là chủ tịch Hội đồng giải thưởng quốc gia, một người từng đoạt giải thưởng ấy. Các ông đều đánh giá rất cao *Nỗi buồn chiến tranh*, coi đó là một trong hai cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh hay nhất trong thế kỷ XX, cùng với *Phía Tây không có gì lạ* của E. Remarque. Theo tôi, nói một cách thật nghiêm khắc, từ *Nỗi buồn chiến tranh*, chúng ta mới thật sự có tiểu thuyết hiện đại. Trước đây, về cơ bản là sử thi, tức chiến tranh được soi nhìn bằng cái nhìn của cộng đồng, từ góc độ của dân tộc mà nhìn cuộc chiến tranh (*Đất nước đứng lên* của tôi cũng vậy thôi). Đến Bảo Ninh thì khác hẳn, lần đầu tiên chiến tranh được soi nhìn qua số phận của một cá nhân. Như vậy không hề có nghĩa là cái nhìn sau chống lại cái nhìn trước, nhưng đã là một cái nhìn khác hẳn. Điều này làm thay đổi hẳn ngôn ngữ của tiểu thuyết, từ độc thoại chuyển sang đối thoại, tức một giai

đoạn mới trong tư duy tiểu thuyết. Rất đáng tiếc là từ sau *Nỗi buồn chiến tranh*, xu hướng đó không được tiếp tục phát triển.

Cũng có một số tác phẩm đáng chú ý, như *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, *Chuyện kể năm hai nghìn* của Bùi Ngọc Tấn, hay *Lạc rừng* của Trung Trung Đĩnh... Đó là những cuốn sách được viết nghiêm túc, chặt chẽ, hoặc tươi tắn. Nhưng về cơ bản chưa có gì mới trong hình thức nghệ thuật. Một số tác giả khác, như Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, hoặc Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư trong thơ... có quấy cựa, tìm tòi, cố phá vỡ hình thức nghệ thuật cũ, để tìm ra một hình thức mới. Nhưng cảm giác chung là những tìm tòi đáng hoan nghênh đó chưa định hình.

Nhà phê bình Dương Tường (DT): Theo tôi, kể ra cụ thể con số 5 cũng hơi khó đấy, cả tên tác giả lẫn tên tác phẩm. Giai đoạn này nếu có hiện tượng nổi bật thì lại rơi vào "đám cận vệ" già như Nguyễn Xuân Khánh, Bùi Ngọc Tấn hay gần đây là *Người sông Mê* của Châu Diên. Điều này, nếu nhìn trên góc độ tiến triển thì vừa vui vừa buồn. Vui vì đó là những "cố gắng đáng cảm động của những nhà văn già", nhưng buồn là những người viết trẻ có triển vọng hình như có một cái gì đó bị tắt như Nguyễn Bình Phương trong tiểu thuyết hay Phan Thị Vàng Anh trong truyện ngắn. Nhưng tôi vẫn kỳ vọng và chờ đợi ở họ. Trong truyện ngắn, sau Phạm Thị Hoài, theo tôi, Vàng Anh là người có nội lực và tư tưởng nhất.

Lớp trung niên thì có "nhoe" lên một cái khá bất ngờ là *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, có cố gắng tìm tòi về phong cách. Tôi cứ tưởng sau *Bước qua lời nguyện* chỉ ở mức trung bình là đã hết vốn, nhưng tác phẩm mới nhất của Tạ Duy Anh đã bước qua được chính anh. Tôi có cảm giác như anh là một con ngài đã đục được kén để bay ra nhưng đôi cánh còn ướt nên bay chưa cao lắm...

Nói chung, cả ở trong tiểu thuyết, thơ, truyện ngắn vẫn trong một tình trạng loay hoay. Thơ đến bây giờ mà vẫn chưa thoát ra được quỹ đạo thơ năm 30 thì buồn lắm. Truyện ngắn thì sau Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài vẫn chưa có ai thực sự gây sốc. Mà ngay cả Nguyễn Huy Thiệp gần đây cũng đã lặn lại. Thiệp là một nhà văn có nội lực nhưng gốc văn hóa không cao, khả năng thẩm định tác phẩm kém. Gần đây, Nguyễn Huy Thiệp rất lảm lẩn khi nhẩy sang viết tiểu thuyết xuất phát từ một động cơ rất sai lầm là muốn chứng tỏ "viết tiểu thuyết cũng hay như truyện ngắn". Nguyễn Huy Thiệp đang làm tướng trong truyện ngắn tội gì lại đi làm tốt trong tiểu thuyết, điều đó rất đáng tiếc. Ngay cả gần đây khi viết tiểu luận, Thiệp cũng rất ngô nghê.

Nhà văn Trung Trung Đĩnh (TTĐ): Ở ta, rất đáng tiếc là có những tác giả viết văn hay nhưng chả bao giờ được giải như nhà văn Thái Bá Lợi với những truyện ngắn, truyện vừa xuất sắc như: *Thung lũng thử thách*, *Lòng cha*, *Hai người trở lại trung đoàn* và các tiểu thuyết như: *Bán đảo*, *Họ cùng thời với những ai*, và mới đây là *Trùng tu*... Lại có những tác giả văn viết thì như búa bổ, thùng rỗng kêu to, giải to giải nhỏ gì cũng "kiếm" được, tiếp thị bằng cách lên ti vi, lên mặt báo trả lời phỏng vấn, nói năng cứ như đại văn hào. Thế thì khó mà tính được năm tác phẩm lắm bạn ơi!

SVVN: Hơn 700 hội viên Hội Nhà văn và rất nhiều nhà văn tự do khác, số lượng sách xuất bản hàng năm cũng cả trăm cuốn, vậy mà thử chọn ra 5 tác giả và 5 tác phẩm nổi trội trong hơn 10 năm qua khó đến thế sao? Có thể lý giải điều này như thế nào? Và "lực cản" nào, khách quan và chủ quan dẫn đến sự chậm tiến của văn chương Việt Nam trong 10 năm qua?

NN: Có rất nhiều lý do mà trong một cuộc trao đổi như thế này khó có thể nói hết. Nhưng theo tôi, một trong những lý do quan trọng là do hậu quả chung của nền giáo dục rất lảm lẩn vấn đề như

chúng ta đều biết, các nhà văn trẻ của chúng ta khó lòng có được một nền tảng văn hoá cơ bản có thể giúp họ có được những đột phá và đi xa. Có lẽ tài năng văn học chúng ta không thiếu, nhưng nội lực chung của văn học thì không hậu. Có thể nói văn học ta đang đuối sức. Đây là một vấn đề rất lớn, cần được nhìn nhận một cách thẳng thắn, và nghĩ cách giải quyết một cách nghiêm chỉnh.

Do những nguyên nhân khác nhau, chúng ta cũng bị tách biệt với sự phát triển của văn học thế giới quá lâu và quá xa. Đến bây giờ có ít nhiều cởi mở hơn, thì tình hình sách dịch lại đang rất hỗn loạn. Những nhà văn trẻ có thể đọc trực tiếp văn học nước ngoài bằng nguyên bản ở ta hiện nay theo tôi biết chỉ đếm không đủ mười đầu ngón tay. Phải nói đó là một tình hình hết sức bất bình thường. Do vậy, những tìm tòi đổi mới của anh chị em cầm bút trẻ hiện nay thường rất lúng túng. Nó rất thiếu cơ bản và như vậy thì rất dễ sa vào chạy theo mốt, vay mượn, chấp vá... Cho nên, đôi lúc tôi nhìn anh em trẻ loay hoay tìm tòi rất tội, bởi anh biết dựa trên nền tảng nào mà anh tìm, khám phá. Những hiện tượng nếu có trong văn học Việt Nam cũng chỉ là may rủi hoặc trời cho thôi.

Anh Dương Tường có nói rằng một số tìm tòi đáng kể vừa qua lại rơi vào các nhà văn già. Theo tôi cũng dễ hiểu thôi: họ có cơ bản hơn. Nhưng ở tuổi ấy thì, đọc thật kỹ mà xem, vẫn không che dấu được sự gắng gượng! Đúng là vừa đáng vui vừa đáng buồn.

DT: Tôi cũng đồng ý với quan điểm của anh Nguyễn Ngọc. Nhà văn chúng ta... dốt quá. Không chịu học, không chịu đọc, lại mang cái bệnh "ếch ngồi đáy giếng", mới "nho nhoe" lên một tý cứ tưởng mình nhất thế giới. Nguyễn Huy Thiệp khi mới bắt lên cũng tưởng mình nhất thế giới, thực ra cỡ như Thiệp ở Đức, Mỹ, Nhật, Pháp... cũng có thể... vơ hàng tá!

Ngoại ngữ cũng là lực cản lớn để nhà văn chúng ta tiếp cận những dòng văn học mới của thế giới. Giới họa sỹ có đến 50% biết ngoại ngữ nên họ tiếp cận với hình thức của mỹ thuật mới thế giới rất nhanh trong khi cánh nhà văn trẻ thì đa số tiếp cận văn học thế giới qua bản dịch. Điều này cũng giống như ông bà già không có răng nên phải ăn trầu bằng cối giã nên mất hết cả mùi vị tiếp thụ. Sự trì trệ là điều đương nhiên.

SVVN: *Thử nhìn vào những đóng góp văn chương của những cây bút trẻ thuộc độ tuổi U20, 30. Cuộc "bùng nổ" của truyện ngắn những năm đầu 90 và những giọng thơ "cách tân, phá vỡ truyền thống" gần đây đem đến những tín hiệu gì cho văn chương Việt Nam? Ai trong số họ có thể đi xa và được điểm lại trong... 10 năm nữa?*

NN: Mấy năm gần đây, trong văn xuôi có hai tác giả trẻ triển vọng mà tôi rất thích là Nguyễn Ngọc Thuần và Nguyễn Ngọc Tư. Tư là một nhà văn trẻ miền sông nước Nam Bộ, viết rất có hồn về vùng đất này. Với Nguyễn Ngọc Tư dường như văn học ta đã trở lại hồn nhiên hơn, do đó cũng tươi tắn hơn, không còn phải "dấn thân" quyết liệt quá như trước. Trước một cây bút còn tươi tắn như Nguyễn Ngọc Tư, ta thường có cảm giác vừa mừng vừa lo. Lo sao cây bút rõ ràng giàu triển vọng này vừa ngày càng già dặn hơn, nhưng là già dặn một cách tự nhiên, không bị trở nên thông thái rờm như một số cây bút cũng từng rất hồn nhiên trước đây ở đồng bằng sông Cửu Long đã mắc phải.

Nguyễn Ngọc Thuần thì sáng lên với hai cuốn sách viết cho thiếu nhi. Hai cuốn sách của anh thậm chí ít nhiều khiến ta liên tưởng đến *Hoàng tử bé* của S. Exupéry. Và một hiện tượng đẹp như vậy, cũng như tất cả những gì thật sự đẹp, đều đáng lo. Nó thường rất mong manh!

Nghe nói Nguyễn Ngọc Thuần cũng không đọc được ngoại ngữ. Tôi có một đề nghị tha thiết với các cây bút trẻ: hãy ra sức học ngoại ngữ đi!

DT: Trong thơ, tôi có cảm tình với 4 cây bút trẻ là Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Văn Cầm Hải và Nguyễn Hữu Hồng Minh. Tôi nghĩ họ là những giọng thơ đáng hứa hẹn, đáng tiếc là những vụ "đánh đấm" phê bình xung quanh hiện tượng Vi Thùy Linh không lành mạnh một chút nào. Cá nhân tôi thích thơ của Phan Huyền Thư hơn Vi Thùy Linh. Và Linh còn phải làm nhiều hơn để bớt số lượng và tăng chất lượng theo hướng bớt gây loá mắt bề nổi để lắng nghe lòng mình ở tầng sâu im lặng hơn. Tuy nhiên, thơ Linh là một biểu tượng giải phóng phụ nữ trong văn học.

Truyện ngắn thì tôi chú ý đến Bùi Hoàng Vị, một người có nội lực và đầy tiềm năng nhưng ít được ai chú ý. Theo tôi, 6 truyện ngắn trong tập truyện *Tầng trệt thiên đường* của Vị đều thuộc vào loại xuất sắc.

TTĐ: Tôi thấy truyện ngắn của Thùy Linh đọc rất hay và sâu sắc, giọng văn của Vàng Anh, khối người viết theo. Thơ Vi Thùy Linh chả nhẽ toàn hay toàn dở? Tôi đọc thấy khác trước nhiều và điều đó rất quan trọng. *Cơ hội của Chúa* của Nguyễn Việt Hà cũng thế, nó khác trước là đáng mừng lắm thay. Còn khác thế nào lại là một chuyện khác!

SVVN: *Những cuộc tranh luận, phê bình văn học gần đây chủ yếu là tập trung vào những sai lầm về học thuật hay cách giảng dạy văn học trong nhà trường. Rất ít có những bài phê bình văn chương đương đại một cách thấu đáo. Hoặc nếu có thì cũng chỉ là "những vụ báo động giả, những cuộc cãi vã nhỏ nhặt và chưa kịp bùng đã tắt ngấm" [1]. Thực ra thì do văn chương đương đại Việt Nam không có gì để phê bình hay không có phê bình văn học?*

DT: Cả hai. Phê bình văn học của ta hàng chục năm qua vừa lạc hậu vừa sợ đụng đến những chuyện gai góc. Có được một ông hay "phang" thì lại "phang bừa". Nhưng khôn nổi, anh ta "xoi" các giáo sư cũng có nhiều cái đúng! Gần đây, cây bút phê bình trẻ Nguyễn Thanh Sơn cũng có nhiều tín hiệu, có giọng mới, tư duy mới và quan trọng là có kiến thức.

TTĐ: Tôi thấy những sách hay của ta mấy khi thấy các nhà phê bình phát hiện được? Gần như là giê-rô! Cả những sách dở nữa, họ toàn mách cấp trên sai để đến nỗi có cuốn bị đánh oan. Đại đa số họ đọc văn theo lối của những kẻ cơ hội, nghĩa là nghe ngóng xem dư luận trong giới và dư luận xã hội thế nào, sau đó là ra tay "phang" hoặc "tâng bốc"

SVVN: *Theo ông, để có được những tác phẩm hay, vượt lên trên cái gọi là "có nền nhưng không có đỉnh" của văn chương VN hiện nay cần những yếu tố gì?*

TTĐ: Tôi thấy cô Vệ Tuệ của Trung Quốc sinh năm 1973 mà mùa bút hoạt náo thế, chắc có nhiều "yếu tố" lắm, nhưng họ cũng chưa cho là "đỉnh" đâu!

NN: Cái cần nhất của chúng ta bây giờ là "khai hóa" lại văn học, trang bị cho những người viết trẻ những lớp triết học, lý luận cơ bản và mới nhất của thế giới. Chuyến đi Mỹ vừa rồi, tôi tha về khoảng 100kg...sách, chuyến đi Pháp năm ngoái cũng vài chục cuốn, đều là những cuốn sách quý giá. Tôi đã bàn với Vàng Anh bên NXB Trẻ, để thành lập một tủ sách triết học cho những người mới bắt đầu. Tôi cũng có một đề nghị nhưng không biết có được nghe, là Nhà nước nên dồn sức làm trong 50 năm liền để dịch ra tiếng Việt những tác phẩm lớn, cơ bản của thế giới mà chúng ta bỏ qua trong nhiều năm qua. Chúng ta phải có một "ưu tư chiến lược" chứ không thì tội cho lớp trẻ lắm! Tôi nghĩ văn học chỉ phát triển được trên nền tảng của văn hoá xã hội.

DT: Khoan hẵng bàn đến chuyện đỉnh, hãy lo đắp cái nền của văn học cho chắc cái đã. Khi đã có một cái nền chắc thì sẽ có đỉnh thôi. Cái cần nhất bây giờ là cố gắng của những người tâm

huyết, những người lót đường, "điều đóm" của thể hệ trước nhằm mang lại những tinh hoa nhất của thế giới cho những người viết trẻ hiện nay.

Là một người làm nghiên cứu phê bình có dịp sống gần gũi, hiểu biết về giới nhà văn cùng thời cũng như theo sát những diễn biến của đời sống văn học trong và ngoài nước, ông có nhận xét ra sao khi nhìn nhận lại văn chương Việt Nam ở một khoảng lùi hơn 10 năm?

Lâu nay trong giới nhiều người thường vẫn đã nhận với nhau rằng văn học ta đang ở vào giai đoạn khó khăn, sách in ra thì có, song đại đa số chỉ ở mức "tầm tầm", "làng nhàng" mà hiếm tác phẩm hay. Các anh Nguyên Ngọc, Dương Tường, Trung Trung Đỉnh nói thẳng hơn: Chúng ta đang lúng túng, ì ạch; chúng ta đang dừng lại.

Thời tiền chiến, từ 1932 tới 1945, chỉ hơn chục năm mà hầu như năm nào cũng có những tác phẩm ngày nay còn phải tái bản. Số lượng ở đây là dấu hiệu của chất lượng, chất lượng của cả một thời đại văn chương. Hoặc nhìn sang một nền văn học mà gần đây ta dịch nhiều như văn học Trung Quốc, thấy nhà văn bên đó, kể cả các cây bút sinh những năm 50-60, đã sớm có một sự nghiệp đồ sộ và đạt tới những chuẩn mực quốc tế trong sáng tác, họ lo chinh phục bạn đọc cả thế giới, chứ không tính chuyện chèo kéo theo kiểu ranh vặt hay ngồi chờ xem có ai thương tình đến dịch cho một vài cuốn sách. Còn như tình hình ở ta hôm nay, tôi nhớ anh Lê Lựu có lần nói rằng không đọc vài năm cũng không thấy lạc hậu. Trong *Lửa thiêng*, Huy Cận từng ghi lại cái tình trạng *Quanh quẩn lại với vài ba bóng dáng - Tới hay lui cũng từng ấy mặt người*. Xưa thế mà nay cũng thế: Chỉ có cái cũ là bền, còn cái mới quá mong manh và chẳng mấy chốc lại hiện nguyên hình ...bộ mặt cũ. Có thể thấy sự lặp lại cả trong hình thức thể hiện. Mới đây, nhân ngày thơ Việt Nam, theo dõi việc người ta mua thơ, một nhà báo đã khái quát vui vui: chỉ có Thơ Mới hồi trước là luôn luôn mới.

Các nhà văn tham gia bàn tròn đã thử lý giải sự bất cập này. Ông thấy có cần bổ sung điều gì?

Anh Nguyên Ngọc đã nói tới vốn liếng của các nhà văn, cái phần gọi là văn hoá cơ bản, nhất là nền tảng triết học, quá thấp. Tôi muốn nhấn mạnh thêm: cái sự thiếu cơ bản ấy kéo dài, nó ăn vào nhân cách, vào tầm vóc nhà văn. Tức là lý tưởng nghề nghiệp của chúng ta, quan niệm của người cầm bút về văn chương đang có vấn đề ...Cái chuyện này lôi thôi hơn việc đọc một vài quyển sách rất nhiều, và do chỗ nó không phải là bệnh riêng của giới nhà văn nên lại càng thấy đáng ngại.

Xin ông nói rõ hơn về thực tế sáng tác văn chương hiện nay?

Nói cho to tát thì một nền văn học thời nay phải có những tác giả lớn, sánh ngang với các bậc tiền bối và đi ra nước ngoài theo những cửa chính đảng hoàng. Những tác phẩm văn chương có giá trị sẽ có đóng góp lớn vào sự phát triển nhân cách con người, làm cho người ta có một đời sống tinh thần phong phú lành mạnh, sống đẹp lên, tử tế, cao thượng và sang trọng hơn. Một nền văn học như thế chẳng những ta chưa có, mà điều nguy hơn, là chưa tin rằng mình có thể làm được, chưa kiên trì ủng hộ nhau, thúc đẩy nhau cùng làm. Các thầy dạy văn lo dạy cho học trò cách thưởng thức văn chương, còn các nhà thơ sau khi làm được ít câu thơ hay muốn người đọc chia sẻ với mình ít niềm vui bấp bực - những việc đó rất cần. Nhưng với tư cách một công cụ tự ý thức của văn học, lý luận phê bình không thể dừng lại ở chỗ đó. Văn học là gì, chúng ta đã có một nền văn học như thế nào và rồi ra phải tự làm khác mình đi thế nào, tại sao hai cuộc chiến tranh lớn của dân tộc đi qua đã gần 30 năm rồi mà vẫn chưa xuất hiện một tác phẩm nào xứng đáng với tầm vóc của nó, và tới đây chúng ta phải cùng nhau lo làm một nền văn học như thế nào để có tác động tốt tới xã hội... những vấn đề ấy phải là mối bận tâm lớn của cả giới sáng tác cũng như trở thành lo nghĩ thiết thân của mỗi người cầm bút. Mấy chục

năm trước, có dịp chuyện trò với các bậc đàn anh trong nghề, tôi thấy họ luôn luôn nghĩ về văn học, cũng như nói chung họ đọc sách thế giới khá nhiều và đọc nhau cũng khá nghiêm túc. Gần đây, ngược lại, thấy một số đồng nghiệp khi gặp nhau chỉ kháo ai mới xoay được món tài trợ rất bở, ai sắp bán được mớ sách ế với giá cao, ai đang chạy cái giải thưởng nọ giải thưởng kia, cùng lắm thì ai vừa vớ được vài ý tưởng rất lạ trên báo Tây và sắp sửa mang ra trò thiên hạ... Sự tầm thường trong quan niệm, lẽ tự nhiên, dẫn tới sự tầm thường trong kết quả.

Chẳng cứ văn học mà nhiều ngành hoạt động khác cũng vậy. Học thuật tiêu điều; sách in nhiều nhưng chạy nhất là sách đọc chơi, sách phong thủy, sách dạy làm giàu; phim ảnh khuyến khích xu hướng giải trí rẻ tiền hoặc nhập "rác" của nước ngoài về; âm nhạc thì hỗn loạn. Và như thế làm sao để đòi hỏi văn chương có những tác phẩm lớn được?

Đúng là nhìn ra xã hội đang thấy có nhiều điều phải lo. Tôi nhớ hồi Sea Games có mỗi cái việc cón con là bán vé cho người ta xem bóng đá cũng loạn hết cả lên, rồi mỗi lần đến Tết là xe tàu đầy vé chợ đen, phố xá cứ mưa xuống là ngập... Tiếp nhận văn hoá đại chúng nước ngoài cũng thế, ba cái mốt tóc tai xanh đỏ thì nhập cuộc bắt chước rất nhanh nhưng những cái tử tế, mới mẻ của người ta thì chả học được gì. Trong tất cả những việc này chính văn học cũng có lỗi. Thơ văn chưa giúp cho con người tốt hơn tử tế với nhau hơn như lẽ ra nó phải thế.

Có phải là do áp lực của kinh tế thị trường nên văn học mới quên mất chức năng của mình?

Một phần là vậy. Tôi đọc thấy một nhà văn Nga là D.Granin gần đây nói rằng thời Xô Viết nhìn vào giới cầm bút còn thấy có những nét mặt ưu tư; thay vào chỗ đó, thời nay toàn những khuôn mặt hãnh tiến của đám trường giả mới phát. Thế nhưng ngay ở Nga, bộ phận văn học chân chính vẫn làm việc nghiêm túc và họ có những đổi mới thực sự. Còn ở ta, số dĩ những yếu tố mới non yếu vì cái nền chung của ta thấp, đã thế lại mãi mê thi nhau lao vào cuộc kiếm sống. Trong tập *Những kiếp hoa đại* in 1993, tôi đã thử nêu mấy đặc điểm của các nhà văn ở ta: thiếu tính chuyên nghiệp; không tự đào tạo thành những trí thức; và quan liêu hoá nhanh chóng. Đến nay, những căn bệnh đó chưa hết mà chỉ bộc lộ thêm những biến chứng mới.

Trở lại với chuyện thay đổi trong văn học. Nhà văn Nguyễn Ngọc có nói đại ý bắt đầu từ Nỗi buồn chiến tranh, chúng ta mới có tiểu thuyết hiện đại còn về cơ bản trước đó là sử thi. Có khá nhiều phản hồi khác nhau về ý kiến cực đoan này. Bản thân ông nhìn nhận ra sao?

Có thể nói trong phạm vi văn học ở ta, hai cuốn *Đất nước đứng lên* của Nguyễn Ngọc và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là hai dấu mốc, hai đỉnh cao của tiểu thuyết sử thi và tiểu thuyết hiện đại. Nhưng cho rằng tới Bảo Ninh chúng ta mới có tiểu thuyết hiện đại là không đúng. Bởi nói một cách sơ lược, tư duy hiện đại trước tiên là quan sát thực tế ở khoảng cách gần, tiếp cận nó một cách suồng sã; không lý tưởng hoá nó, diễn tả nó như chủ quan mong muốn; mà chỉ muốn nhìn muốn nắm bắt nó như chính nó vốn vậy. Lối tư duy này quan niệm cái thực là cái khó nhất trong văn học, nó không chiều theo ý con người và thường khi lại lung linh ẩn hiện sau nhiều mặt nạ; nhưng dù vất vả đau xót đến mấy thì cũng phải tìm cho được, phải có cách gọi tên chỉ mặt nó một cách đích xác. Theo nghĩa này, tư duy hiện đại đã có ở một số người đi trước, như ở một số truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu (tập *Bến quê*), ở tiểu thuyết Lê Lựu (*Thời xa vắng*), Ma Văn Kháng (*Đám cưới không có giấy giá thú*). Nguyễn Khải là một trường hợp rất lạ, tư duy hiện đại ở ông đã hình thành từ hồi viết *Xung đột* (1957), nhưng suốt thời gian cầm bút, lối tư duy ấy chỉ được ông sử dụng trong phạm vi những quan sát chật hẹp, tác giả kiểm chế nó và buộc nó dừng lại nửa vời. Chính trong một hoàn cảnh chung như thế mà Nguyễn Huy Thiệp nổi bật lên với cái nhìn soi mói, không ngại sống sượng thô lỗ, miễn sao vạch vôi đánh dấu được thực tế. (Về mặt lý thuyết, truyện ngắn chỉ được coi là một biến thể của tiểu thuyết; ở ta trước đây hay ở Trung Quốc, truyện ngắn thường được gọi là đoản thiên

tiểu thuyết; và một người như Lỗ Tấn vẫn được coi là một nhà tiểu thuyết cự phách.) Nhìn chung tôi cho rằng những yếu tố mới trong tư duy văn học ở ta lúc nào cũng có, bởi đó là áp lực của thời đại, là một nhu cầu thực tế, nhưng nó lại chỉ xuất hiện theo kiểu tự phát, không được nâng lên thành lý thuyết, càng không được đẩy tới cùng, nên cũng không đủ sức tạo thành một dòng chảy mạnh mẽ .

Thế còn ý kiến cuối cùng của các nhà văn tham dự bàn tròn là phải dành thêm nhiều tiền của cho việc giới thiệu văn học nước ngoài, ý ông thế nào? Đây là đề nghị của riêng ông?

Đồng ý, nhưng tôi cho rằng nên thực tế một chút. Nghề dịch bị coi thường lâu quá nên người có tài bỏ hết, lớp trẻ lâu nay có học ngoại ngữ chỉ lo tìm việc dịch miệng kiếm tiền, thành thử bây giờ có tiền tỉ bỏ ra cũng không phải đã thu ngay được hiệu quả. Đồng thời với dịch thuật, theo tôi một việc còn cần kíp hơn là lôi cuốn mọi người vào cuộc tự vấn, tức ngồi bình tâm nghĩ lại mọi điều, trông trước trông sau, theo dõi văn học nước ngoài một cách sát sòng, rút kinh nghiệm chuyên cũ, tính toán cho hết mọi việc phải làm từ nay về sau. Giá kể do chỗ cùng ngồi nghĩ ngợi như vậy mà có phải bớt đi một ít sáng tác dở thì cũng không có gì phải hối tiếc .

Thơ Trần Dần

(Dương Tường biên soạn - tháng chạp, Bính Tuất)

Diễn Đàn xin cảm ơn nhà văn Dương Tường đã gửi tặng trang thơ này do ông tuyển chọn, Diễn Đàn xin giới thiệu với bạn đọc. Tuy trang thơ này đã đăng trên Tiền Phong chủ nhật ngày 5.11.2006, tờ báo này không có trên mạng. Xin đọc thêm bài phỏng vấn Dương Tường trên báo Người Lao Động ngày 21.01.2007

Lời tòa soạn:

Nhà thơ Trần Dần để lại di cảo khổng lồ gồm hơn 200 hồ sơ, xếp trong 24 cặp lớn. Được biết, gia đình và bạn bè nhà thơ đang chuẩn bị xuất bản cuốn Thơ Trần Dần, tập hợp những sáng tác và thể nghiệm của ông qua nhiều giai đoạn. Chúng tôi trân trọng giới thiệu một trang thơ Trần Dần cùng bạn đọc. Xin cảm ơn nhà thơ Dương Tường đã cung cấp bản thảo.

(Tiền Phong chủ nhật, số 45, ngày 5.11.2006)

Tình yêu

Gửi em K() những ngày phải xa nhau
(*) K. tên viết tắt của bà Bùi Thị Ngọc Khuê,
sau này là vợ của nhà thơ*

Em ơi

anh không ngủ được
bốn đêm rồi !

Nhớ em

đường phố Sinh Từ
đen cả mũi
mùi than

mùi bụi

Nhớ gian nhà

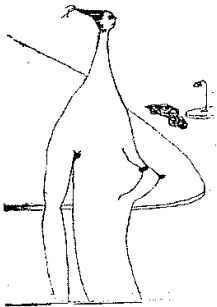
bây giờ

lùi lũi
mặt mình em
Em ạ
Tình yêu không phẳng lặng bao giờ
Nó đề sòng
đề mưa
nổi bão...
Tình yêu
không phải chuyện
đưa cho nhau
ngày một bó hoa
Nó là chuyện
những đêm rờn
không ngủ
tóc tai bù
như những rặng cây to
nó vật vã
những đêm trời động gió
Tình yêu
không phải là
kề vai mớ
sầu mọng dưới trăng mòn
mà phải sống
phải cời trần
mưa nắng
phải mồ hôi
chảy đẫm
tận buồng gan.
Tình yêu không phải
chuyện ngàn năm
kề sát má
mà bỗng dưng –
một quả tim chung
phải bỏ nó
làm
đôi
người một nửa
người
ôm một nửa...
Tình yêu
không phải là
những chiếc toa đen
con tàu cuộc sống
tuỳ chuyến đi
mà cất bỏ
hoặc nối thêm
Mà tự nó là
Một đầu tàu hỏa
có nghìn toa
buổi – sáng
buổi – không đèn

Triệu mã lục
con tàu điên
tàu dại
nó đâm bừa
gãy căng
ngày đêm
nó hú chết
thời gian
khoảng cách
nó rú lên
trên trái đất
chưa người
chưa xã hội
chưa luân thường
ước lệ...
Tình yêu không phải
chuyện bạ sao yêu
cũng được
nó lạ lùng
như giữa một trời sao
triệu triệu ánh
Chỉ có anh
đã khản tiếng
kêu gào
mới gọi được
vì – sao – em
hay khóc
Và có em
đi mãi đến mê
người
mới dừng lại
ôm mình anh
buồn tủi
vì – sao – anh
rốc lửa
xém bên trời...
Tình yêu
không phải
có hoặc không
cũng được !
mà nó như là
những vắn thơ
những bắp thịt
những đường gân
tổ quốc

Em ơi
em lại khóc
em à ?

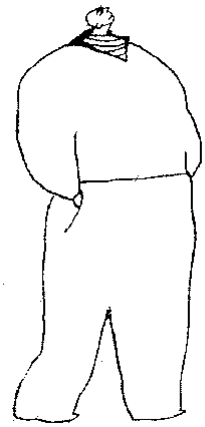
Gian nhà vắng
con chó nằm nó rú...
Anh mới đấm lên trời
dấm quả đấm
bao giờ anh
ngồi
chết
một gian buồng
bốn bức tường
nó giữ chặt người
anh
để giáo dục anh về nhiều chuyện
và chuyện yêu
- là câu chuyện chúng mình...
Em đọc kỹ
trang thơ này nhé
Em đếm xem
bao chữ
bao vần
cũng tựa bao đêm
em ngắm trời sao
em đã thấy
một vì sao
ngất ngưỡng
vì – sao – anh
nó chuyển bốn bên trời
đuôi nó cháy – đúng là
vì sao dữ
Anh cho phép
em khóc nhiều
khóc nữa
Em ơi
tình yêu em
không có tuổi bao giờ
mười thế kỷ
vì sao
anh
vẫn cháy...



(tranh minh hoạ của Trần Dân)

Thơ mi-ni

Tác phẩm là bản gốc ? đời là bản sao ?
Ồi Ồi, luôn tam sao thất bản
Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời
tôi khóc những chân trời - bụi đỏ
Ở đó: vắng người
không có người biết khóc – các chân mây
vô tư như thuở ngày xưa
Nhìn một vì sao
buồn bên ngưỡng cửa
Em hãy giữ gìn đôi mắt lệ.
Đừng đau nứt lệ hạ huyền
Nỗi buồn sáng thế còn nguyên.
1988 - 1989



Bài hát người lớn

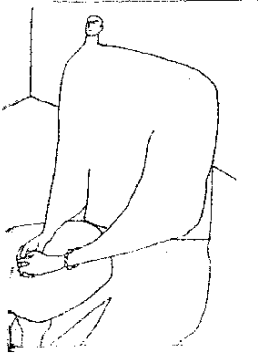
Đi chơi! đi chơi!
Đầu trục bình vôi
Hai tay hai hòn sỏi
Đi chơi! đi chơi!
Hai tay hai hòn sỏi
Đầu trục bình vôi...

Đi chơi! đi chơi!

Không đề số 4

Mưa rơi phay phay
Ngã tư năm ngoái
Biết tôi khờ dại

Em đi không sao chống cự nổi
Đại lộ tai hại
Em dài man dại
Em dài quên che đậy
Em dài tê tái
Em dài quên cân đối
Em dài bối rối
Em dài vô tội
Em dài – khổ tâm...

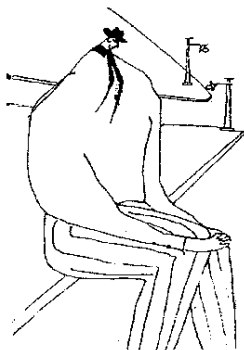


Chiều vô nghĩa

Gió thổi quá tay
Lạnh cây Bàng bé
Chiều thu cổ lỗ sĩ
Công viên đồng chí
Sương sa cà khịa
Cho tôi một ngày chức năng vô lý!
Để tôi ngồi vô nghĩa nhất
Vô tri...

Ngã tư xưa

Anh muốn rao lên cho làng nước biết
hôm nay em bạc đãi một người.
Nhưng em ơi! anh chỉ đến ngã tư xưa
anh đứng dưới một ngôi đèn bỏ.



Đoạn kết

Cấp cứu! Cấp cứu!
Ô tô chẹt lá chết...
Một cặp đi ngang đường bệt
Hãy để tôi đi tìm đêm trăng vườn quýt!
Điện thoại kêu thét
Con cóc đi xa
Chương ba tiểu thuyết
Hành trình!... Hành trình!...
Không thấy sương bay thành vệt...

Đường Dương Tường nghiêng... Hoàng Hưng

Thật khác nào được nhắm mắt, thả lỏng hồn để diu di trong thì thầm gió thu sau cả mùa hè nóng bức, khác nào sau trận bom B52 thông thả đập xe qua đường Lý Thường Kiệt lại nghe tiếng dương cầm vắng từ tòa biệt thự kiểu Pháp nơi bác Vũ Thị Hiền luyện đàn cho các con³. Phải, nói đến dương cầm thì nhiều bài thơ mà Dương Tường đặt tên “serenade”, “romance”, đúng là những *etude cho piano*⁴ du dương nhưng đầy vẻ khác lạ: “Những ngón tay mưa / dương cầm trên mái / những ngón tay mưa / kéo dài tai quái / một nỗi nhớ siêu hình / nhạc nhòe đường xanh / đêm lập thể...” (*Serenade I*)

Bạn bè ông thường đọc trại câu mở đầu bài trên thành “Những ngón tay mưa / Dương Tường trên mái”. Thoạt chỉ để đùa yêu cái tinh thần “duy nhạc” của tác giả, nhưng mãi rồi mọi người thấy “Dương Tường trên mái” nghe thú vị hơn, có thể vì cộng hưởng của hai âm *dương* và *tường* là những âm mở, kéo dài, ngân nga, nghe sướt hơn âm *cầm*, ngắn và đóng. Sự đùa này thể hiện rõ đường lối “phi ngữ nghĩa” của “nhóm” các ông, song thực ra “nghĩa” của câu thơ chẳng khó cảm nhận cho lắm, dù có bị đọc trại đi. Hồi ấy, được anh Dương Tường dẫn đến thăm anh Văn Cao, nghe các anh nói về “dòng chữ”, “dòng nghĩa”, tôi thật sự ngỡ ngàng. Lớp thơ trẻ chúng tôi - quen gọi là thế hệ chống Mỹ, vốn thuộc về cái mà “nhóm” Trần Dần và các bạn cùng chí hướng, trong đó Dương Tường là một thành viên tương đối trẻ, đặt tên là “dòng nghĩa”, ý nói dòng thơ lấy ý lấy nghĩa câu thơ bài thơ làm căn cốt (dòng thơ này thì bao giờ cũng chính thống, áp đảo, hồi ấy cũng như bây giờ vậy), để đối lập với hướng thơ của một nhóm cực thiểu số, bên lề, “bàng thống”, hướng vào việc khai thác những khả năng của “chữ”⁵, nói khác đi là nhấn mạnh yêu cầu sáng tạo ngôn ngữ⁶. Dương Tường, một người say mê và giàu kiến thức âm nhạc, đặc biệt chú trọng đến âm thanh của chữ, đã đặt ra khái niệm “con âm”: “Vật liệu chính của thơ tôi không phải con chữ mà là con âm. Có lẽ điều phân biệt giữa các bạn thơ khác và tôi là ở chỗ họ làm việc ngôn ngữ trên chiều “biểu nghĩa” (signifié), còn tôi làm việc ngôn ngữ trên chiều “năng nghĩa” (signifiant). Những gì ở thơ họ là “đã” thì ở tôi là “đang”. Nói cách khác, ở thơ các bạn đó là mặt chữ nhìn “thẳng” còn tôi là ở mặt chữ nhìn “nghiêng”. Tôi nghĩ sức gợi của thơ mình nằm ở mặt chênh đó, nó nảy lên một cái gì giống như *âm bồi* (son harmonique) trong âm nhạc vậy. Tôi muốn đi theo một *thi pháp âm bồi* nếu có thể gọi thế. Và nếu như những câu thơ tôi có một nghĩa nào đó thì là do các âm chữ hát ánh lên thành một thứ cầu vồng trên mặt chữ mà thôi.”⁷
Chợt thu II là một thí dụ tốt của “thi pháp âm bồi”:

“Chiều se se hương / Vườn se se sương / Đường se se quạnh / Trời se se lạnh / Người se se

buồn”.

Nếu chỉ với những *chiều hương, vườn sương, đường quanh, trời lạnh, người buồn*, bài thơ sẽ chẳng mấy gọi cảm vì những ghi nhận mùa thu như thế có vẻ đã quá quen. Nhưng hai âm chủ *se* sẽ là câu thần chú làm tất cả sống dậy, diễn biến; bởi các danh từ (*hương, sương*), tính từ (*quạnh, lạnh, buồn*) dường như được trạng từ *se* sẽ biến thành động từ. Và tất cả được nhạc hoá; nhắm mắt lại, ta chỉ còn nghe tiếng cây vĩ chạm rất nhẹ rất chậm, láy đi láy lại, vào mỗi một dây đàn, ta mơ màng chuỗi đi trong một không khí Hà Nội chớm thu, vạn vật bỗng trở nên thắm kín, dịu dàng, êm ái. *Se* sẽ chứ không phải *khe khẽ*. Vì *se* sẽ gọi âm thanh của heo may, của lá rụng. Và, khiến nảy lên âm bồi *se se*. Một tác động trượt nghĩa từ cảm nhận thính giác sang cảm nhận da thịt cái lạnh chớm thu.

Dương Tường có lần tự bạch: “Ngón thơ con âm mình học chính là ở cổ tổ họ Hồ của chúng ta với những bài “Hang các cóc”, những “đứng chéo trông theo cảnh hát heo” (Bài *Noel II* của mình là một biến tấu âm hình trên câu thơ này)”⁸.

Hãy tạm quên đi những bận tâm về “tư tưởng chủ đề” bài thơ, “ý nghĩa, nội dung” các câu thơ theo kiểu cách mà bài phân tích tác phẩm ở trường học đòi hỏi, để thả mình chìm đắm trong thế giới của đêm Noel Hà Nội, khoảng thời gian kỳ lạ mà tiếng chuông nhà thờ, tiếng thánh ca mở lối cho tuổi trẻ không phải siêu thoát lên thiên đường mà rạo rực, nô nức, chen chân vào cõi địa đàng của niềm vui trần thế, một thế giới mà không khí và tinh thần được tái hiện sống động bởi sức gọi của bản hòa âm chữ theo kiểu chủ nghĩa ấn tượng: “phổ nê... / kềm kem / đèn ren / đèn ren / lụa len”, “bụi sáng / bạch lạp ngực rằm / năm năm / ngực rằm / nem nén / ngực rằm”. Để rồi *Noel* biến thành *Nô-elle*⁹, thành *Nô-em*, và *Ave Maria* thành *Ave Mari-em*, đến *Bethlehem* cũng hóa *Bethlê-em*. À, mà liên tưởng như thế thì thấy hóa ra bài thơ cũng có “tư tưởng chủ đề” chứ nhỉ?

Song, cùng lúc khám phá cái “thông điệp” có thể không gì to tát lắm ấy - tuy cũng không phải là không quan trọng đối với những kẻ “trót một đời / tín ngưỡng / toàn vô vọng” (*Mea Culpa*), nhất là vào thời điểm bài thơ được viết ra - người đọc thơ còn được cái sung sướng dõi theo một cuộc chơi “duy mỹ” đầy hào hứng của kẻ biến tấu tài hoa trên từ khóa “Nô-en” hai-âm-tiết, khác gì nghe tay nhạc jazz tùy hứng giang hồ từ một chủ âm, xem một họa sĩ “action painting”¹⁰ ứng biến màu và nét trên toan vẽ: “Nô-elle / Nô-em / Nô-men / No man’s land / N-mô m-nen x-len / eng beng / lang ben / ma lem / Mariem / x-em x-em”. Những dòng thơ hình như đã thoát khỏi “chủ đề” (nếu như bài thơ quả có một chủ đề), để bay nhảy tự do theo đà biến tấu, nghịch ngợm, ngộ nghĩnh một cách rất “hậu hiện đại”.

Thực ra “chơi” với con chữ thì thi nhân thời nào chẳng đã từng; song khi mà Nguyễn Công Trứ sử dụng nó nhằm châm biếm mấy anh đồ rỗng tuếch “cung quăng củng quăng chi cùng quăng / đặc bắt ngoại bò vàng chi liếm lá”, cụ biết đâu rằng mình đã gợi ý tuyệt vời cho cuộc chơi chữ vô tư không mục đích (thực dụng) của con cháu một trăm năm sau! Sướng lắm chứ, cuộc chơi vô tư ấy, có gì để hạch tội? Huống chi tiếng Việt ta lại là mảnh đất quá màu mỡ cho những thể nghiệm ngữ âm học kiểu ấy (xin tham khảo những phát hiện thú vị của nhà ngữ học Cao Xuân Hạo trong lãnh vực ngữ âm tiếng Việt)¹¹. Nhưng nói cho nghiêm chỉnh, thì tinh thần phá vỡ chủ đề nghiêm chỉnh bằng cuộc chơi phóng túng con chữ con âm chỉ trở thành “đường lối” trong thế kỷ 20, tiên phong là Guillaume Apollinaire những năm 1910, các nhà thơ Dada những năm cuối thập kỷ 1910 đầu thập kỷ 1920, rồi Jacques Prevert những năm sau Thế chiến II... Đến nay thì khuynh hướng coi khai thác hiệu quả ngôn ngữ như mục đích tự thân của thơ đã phát triển thành một trong số các trào lưu áp đảo ở Mỹ, trào lưu “language poetry” (thơ ngôn ngữ)¹². Không chỉ chú trọng “con âm” như đã tuyên bố, Dương Tường, một cây bút uy tín về hội họa hiện đại, còn luôn phối hợp âm nhạc với tạo hình trong thơ: “nhạc nhòe đường xanh / đêm lập thể” (*Serenade I*).

Khi so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, bao giờ ông cũng tìm lối độc đáo, lạ, lắm khi rất bạo, có khi gây sốc lúc mới trình làng, nhưng chắc chắn là ẩn tượng khó quên: “những bản thảo jà chín tháng / mười ngày / còn bị nạo thai”, “tôi nằng nặt lòng mình như / đàn bà tháng tội jặt trắng”, “tro hài cốt bỏ quên / một mối tình tự hoả táng”, “thung đồi sông lạch địa dư em”, “da thịt phở vẫn mừng tấy / từng nốt chân em”, “kỷ niệm / zi căn / vào tâm thất” (*Mea Culpa*), “đèn đường / mù đêm” (*Bella*), “tôi có khi là một quả mọng những thớ dài” (*Romance I*).

Những tạo hình kết hợp bất ngờ một gợi hình cụ thể với một ý niệm trừu tượng như thế này mở cho ta rất nhiều tưởng tượng, liên tưởng: “Ai đi / rờng rờng / anatômi”¹³ (*Mea Culpa*), “Có khi / mặt em / cấu trúc mưa” (*Romance III*), “thời gian như một cái nhìn vàng / tôi vẫn phi-tôi / vẫn lạc lối hoài trong một im lặng trầm / đa giác” (*Sinh nhật*)

Ông “không gian hoá” bài thơ (theo truyền thống thì thơ vốn được coi là một thể loại nghệ thuật thời gian):

Sử dụng lối xếp đặt các chữ trên trang, như tách các cụm từ, tách các mẫu tự, xuống hàng bất thường, để tăng thêm hiệu quả của ý thơ, nhạc thơ:

Mư ư ư a

Mùa v-

ấ-

n-

g

trắng

(*Mea Culpa*)

Lối ấy phát triển đến chỗ “chơi” cả đồ hình, vượt qua thói quen câu thơ tuyến tính, mong biểu đạt tính đối vị (paradigmatique) tiềm ẩn của diễn ngôn¹⁴:

e

r

k ể c ả o m i ền

t

i

c

a

(*Mea Culpa*)

Chẳng thể nào xuất 

(*Khoảnh khắc*)

Sự kết hợp chặt chẽ âm nhạc với hiệu quả thị giác lên tới cao độ trong bài *Khoảnh khắc*: việc thay đổi chính tả (các chữ cái *k*, *b* thay vì *c*, *p*) như trường hợp của (khoảnh) *khắc*, *tôk*, *thôk*... tạo cảm giác bức bối, ngột ngạt, đòi hỏi phải vượt thoát - điều mà chính tả thông dụng không biểu đạt được. Ngay ở cái đầu đề *Khoảnh Khắc*, 3 chữ *k* dựng đứng như ba bức tường thành chắn cả chân trời. Cũng như vậy, *văn minh đồ hộp* gây một cảm giác khó chịu lớn hơn chữ *đồ hộp* thường thấy. Đẩy đến cùng cực, thậm chí một tiếng *không* cũng nghẹn lại nửa chừng, không bật ra được (*sao em kh[^]*).

Còn có thể nói về những liên tưởng bất ngờ, nhất là do tương giao giữa các cảm quan: “từng zãy phổ mưa tưa zậu sắt / hình như jọng kim sopranpo vì / khe vú hở ra rất trắng”, “màu gạch non một mùi nách đàn bà”. Về cách dùng từ đa nghĩa: “đèn đường / chờ em / mồm đê” (*đêm đã mồm mồm mom / cái mồm của đêm*). Về ý tưởng thơ phức điệu (polyphonique) trong những đoạn thơ như có bè đệm:

“buồng trắng vắng tôi nhớ mênh
mông cái ghé góa
từ buổi chưa chồng”

(*ai vỗ về hòn đá khóc*)

Dương Tường cũng rất chú trọng cấu trúc bài thơ. Rất thường khi không như một “cấu tứ thơ” thông thường, mà cấu trúc kiểu âm nhạc: bản nhạc phát triển một chủ âm thì ông phát triển bài thơ dựa trên một con số, một từ hay cụm từ (32, 24, *Nôen, se sẽ, tên là, đường dương cầm, ché*). Kiểu cấu trúc mở khiến lời thơ tinh, kiệm, nén, mà không bó rọ, cảm xúc thơ vẫn ngân nga. Riêng bài thơ dài *Mea Culpa* có cấu trúc như một tổ khúc giao hưởng 7 chương.

Nghĩa là ông có nhiều nỗ lực phát huy “hiệu quả tổng lực” của mọi yếu tố cấu thành khả hữu của bài thơ (kể cả yếu tố tiếng nước ngoài ông thường chêm giữa tiếng Việt, có thể là một cách để đẩy tình tự thơ vào viễn cảnh nhân bản phổ quát)¹⁵. Tất nhiên không phải lúc nào ông cũng thành công. (Tôi muốn nói thành công theo nghĩa tự tại, không nói thành công với công chúng là điều bao giờ cũng tới rất muộn, thậm chí không bao giờ tới với những người tiên phong trong nghệ thuật). Chưa thành công khi ý chí thể nghiệm hình thức lấn lướt hoặc chênh với cảm xúc tự nhiên. Cũng có lẽ là ngược lại, chưa thành công vì chưa dám đi đến cùng con đường mình muốn theo, chưa đánh đắm mình trong “trường thể nghiệm”, xuống tận đáy.

Đĩ nhiên, hiệu quả tổng lực cuối cùng cũng là gửi gắm đượm lòng mình đứng nhất, hữu hiệu nhất qua con chữ, con âm, con màu, con nét... Tôi không muốn tranh phần của bạn đọc làm công việc “giải mã” tâm sự của tác giả qua những dòng “xưng tội” (*Mea Culpa*)¹⁶. Qua không ít bài thơ ngắn, hay chỉ những câu thơ tôi đã trích theo ấn tượng riêng của mình ở trên. Và qua lời tác giả tự tuyên bố như tổng kết đời ông: “Tôi đứng về phe nước mắt” (*Để ghi trên mộ chí*).

Tôi cũng tin rằng, với hay không với “thi pháp âm bồi”, nhưng chắc chắn là với giọng điệu riêng, Dương Tường đã cho người yêu thơ những bài thơ mà hiệu quả âm nhạc, tạo hình là một với sức mạnh cảm xúc, tình cảm, ý tưởng, không tách bạch được đâu là “âm”, đâu là “nghĩa”, đâu là “hình thức” đâu là “nội dung”. Đủ để ghi tên một *Dương Tường* trong số các nhà thơ đóng góp vào sự phát triển thơ hiện đại Việt Nam.

Hà Nội Thu 2004

(*Bài đã đăng lần đầu trên Tiền phong Chủ nhật, 2/1/2004*)

Chú thích:

¹ Lấy ý từ cấu tứ “đường dương cầm...” của bài thơ *Serenade III* và lời phát biểu “... tôi là ở mặt chữ nhìn nghiêng” của Dương Tường.

² Thơ Đào Nguyễn, chỉ thành phố Hải Phòng trong chiến tranh phá hoại của Mỹ.

³ Tôn Thất Triêm, Tôn Nữ Y Lăng, Tôn Nữ Nguyệt Minh.

⁴ *Etude*: khúc nhạc ngắn cho độc tấu, nguyên là bài tập cốt để tập một kỹ năng chơi đàn nào đó, nhưng có những khúc đã trở thành tác phẩm nổi tiếng do giá trị nghệ thuật của chúng. Thí dụ: Các *Etude* cho piano của Chopin nổi tiếng với tên gọi quen thuộc là “Nhạc buồn” (*Etude số 3*), “*Etude cách mạng*” (số 12), “Tiếng cầu kinh của người Hồi trong bão tố” (*Etude số 23*)...

⁵ Lê Đạt tự gọi mình là “phu chữ” và đặt tên tập thơ của mình là “Bóng chữ”. Ông đề nghị: “Bạn đọc trước khi bước vào bài thơ xin tạm để lại cách đọc tuyến tính thuần duy lý ở ngưỡng cửa như người khách bỏ giày trước khi vào một trà thất Nhật Bản... Bạn hãy thử để những hình ảnh

những con chữ trong câu thơ dất dấn trên con đường tâm thức ra khỏi lối đi ngữ nghĩa tiêu dùng một chiều quen thuộc hàng ngày” (*Bóng chữ*).

⁶ Sinh thời Trần Dần hay nói: “Làm thơ là làm tiếng Việt”.

⁷ Trả lời phỏng vấn tạp chí *Sông Hương* tháng 6/90.

⁸ Trả lời phỏng vấn tạp chí *Sông Hương* tháng 6/90.

⁹ *Elle*: tiếng Pháp, nghĩa là *nàng*.

¹⁰ Hội họa động tác, lối vẽ ngẫu hứng theo biểu hiện trừu tượng vào những năm 1950, tiêu biểu là họa sĩ Mỹ Jackson Pollock .

¹¹ Có thể đọc trong *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa* (Cao Xuân Hạo, Nxb Giáo Dục, 1998).

¹² Xem bài giới thiệu “Thơ hậu hiện đại Mỹ” của Paul Hoover do Hoàng Hưng dịch - “Văn học hậu hiện đại thế giới” Nxb Hội Nhà văn, 2003.

¹³ *Anatomie* (tiếng Pháp) hoặc *anatomy* (tiếng Anh): giải phẫu học. Câu thơ gợi tưởng cả một thân hình (hẳn phải là thân hình một người nữ) không chỉ được cảm nhận qua lớp quần áo bên ngoài.

¹⁴ Khi ta hành ngôn, chỉ có câu tuyến tính kết hợp các từ theo dòng cú pháp (syntagmatique) là hiển ngôn, nhưng trong đầu ta bao giờ cũng tiềm ẩn sự liên tưởng để lựa chọn giữa nhiều từ khác nhau trong một nhóm từ (paradigme), thao tác đó các nhà ngữ học gọi là có tính “đối vị” (paradigmatique)

¹⁵ Tưởng không cần ghi chú rằng Dương Tường là một dịch giả uyên bác, việc sử dụng tiếng nước ngoài đã trở thành một bản năng của ông, chẳng phải là “khoe chữ”. Mấy bài thơ viết trực tiếp bằng tiếng Pháp, tiếng Anh trong tập này cho thấy ông đã ít nhiều “ăn nằm” với các ngôn ngữ ấy.

¹⁶ “Mea Culpa” - tiếng Latin, nghĩa là “Lỗi tại tôi”. Khi thực hiện nghi thức “xưng tội” với giáo sĩ, tín đồ Công giáo kêu “Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng” (kèm theo động tác đấm vào ngực mình).